

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
 Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
 Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 12
 GV: Đoàn Thị Bích Hà
 Ngày soạn: 1/3/2026
 Ngày dạy: Tuần 26-30

BÀI 8

DỮ LIỆU TRONG VĂN BẢN THÔNG TIN

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Pa-ra-na* (Cờ-lôt Lê-vi-Xtơ-rôt)

VB2: *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục* (Nguyễn Nam)

VB3: *Đời muối* (Trích *Đời muối: Lịch sử thế giới*) (Mác Kơ-len-xki)

Thực hành đọc: *Sách thay đổi lịch sử loài người* (Vũ Đức Liêm)

2. Thực hành tiếng Việt: Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

3. Viết: Viết thư trao đổi về một công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

4. Nói và nghe: Tranh biện về một vấn đề đời sống

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC		
Năng lực chung	Năng lực	Bài học góp phần phát triển năng lực chung. - Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn. - Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
Năng lực đặc thù		<i>Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.</i>

	- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản; đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết và nội dung của văn bản dựa trên trải nghiệm, quan điểm của người đọc. - Nhận xét được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề; đề xuất được các nhan đề khác. - Biết suy luận và phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin. - Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản. - So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có sự kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ. - Hiểu được các quy định liên quan đến việc sử dụng ý tưởng, thông tin hay câu chữ của người khác trong bài viết của mình để tránh vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. - Viết được thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm. - Biết tranh biện về một vấn đề đời sống (có những ý kiến trái ngược nhau); thể hiện được thái độ cầu thị khi tranh biện.
II. PHẨM CHẤT Có cái nhìn cởi mở, thái độ tôn trọng với những gì khác biệt.	

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Các video tư liệu, văn bản đọc hiểu.
- Bài giảng điện tử.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết:...78,79

VĂN BẢN 1: PA-RA-NA (PARANA)

(Trích *Nhiệt đới buồn* – Cờ-lôt Lê-vi-Xtơ-rôt (Claude Lévi – Strauss))

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản; đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết và nội dung của văn bản dựa trên trải nghiệm, quan điểm của người đọc qua văn bản *Pa-ra-na*.
- Chỉ ra được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề; đề xuất được các nhan đề khác cho văn bản *Pa-ra-na*.
- Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin qua văn bản *Pa-ra-na*.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.
- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để viết một đoạn văn về mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã, tìm đọc các văn bản khác trong tác phẩm *Nhiệt đới buồn*.

2. Phẩm chất: Biết trân trọng và có cách ứng xử bình đẳng với những nền văn hóa khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS thiết kế sản phẩm học tập/xem video clip và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Cách 1: GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu trước ở nhà về lịch sử và văn hóa của người Anh-điêng châu Mỹ. Mỗi nhóm có thể thực hiện một nhiệm vụ: + Xem một bộ phim về người thổ dân châu Mỹ, ví dụ: <i>Người Mô-hi-can cuối cùng</i>, <i>Kị sĩ cô độc</i>, <i>Khiêu vũ với bầy sói</i>,... + Đọc một tác phẩm văn học hoặc một cuốn sách, một văn bản lịch sử trong đó có hình tượng người thổ dân châu Mỹ, ví dụ: tiểu thuyết <i>Không nhà</i> của Tô-mi O-ran-giơ (Tommy Orange), <i>Sinh ra để chạy</i> của Crít-tô-phơ Mác-đô-gan,.... + Suu tập các tranh, ảnh về lịch sử, văn hóa, phong tục của người thổ dân ở châu Mỹ. + Tìm hiểu về lịch sử hình thành châu Mỹ, đặc biệt là phát kiến địa lí của Cô-	Cách 1: Một số thông tin về người thổ dân da đỏ ở châu Mỹ (người Anh-điêng) - Là cộng đồng người dân bản địa sống tại Hoa Kỳ từ hàng nghìn thậm chí hàng triệu năm trước. Trên thực tế, nhiều học giả ước tính rằng, vào thời điểm mà những nhà thám hiểm châu Âu tìm ra lục địa Châu Mỹ, tại đây đã có trên 50 triệu người bản địa sinh sống. - Sau hàng thế kỉ sinh sống thành các bộ tộc nhỏ, những người da đỏ đã hình thành cộng đồng riêng, họ sống bằng nghề săn bắt hái lượm và sống hòa hợp với thiên nhiên. - Văn hóa của những người Mỹ bản địa có lịch sử đến hàng trăm năm và được phát triển cùng với thiên nhiên. Mọi yếu tố trong cuộc sống người dân da đỏ đều được dựa trên sự phát triển của Trái đất. - Cuộc sống yên bình của những người da đỏ kết thúc khi các nhà thám hiểm châu

lôm-bô (Colombo) và cuộc xâm lược thuộc địa của người châu Âu. - HS chia sẻ những thông tin mà mình tìm hiểu được dưới dạng video clip, audio, một bài thuyết trình ngắn hoặc một văn bản vào đầu giờ học. Cách 2: GV cho HS xem video clip về lịch sử và văn hoá của người Anh diêng ở châu Mỹ (https://www.youtube.com/watch?v=o9mbR5VEdyM) và trả lời các câu hỏi: <i>Video đã đưa ra những thông tin gì về người Anh diêng?</i> Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời Bước 4: Đánh giá, kết luận. GV cung cấp thêm cho HS một số thông tin về người thổ dân ở Châu Mỹ. => GV dẫn vào bài mới.	Ấu đi đầu là Columbus phát hiện ra “vùng đất mới” này. Những “nhà thám hiểm” này đuổi những người bản địa ra khỏi nơi ở của họ và chiếm đất để xây nhiều khu đô thị mới. Nhiều cuộc chiến đẫm máu đã xảy ra nhưng kết quả là, diện tích sống của các bộ tộc người da đỏ ngày càng bị thu hẹp, nhiều bộ tộc thậm chí đã biến mất. - Sau nhiều năm đấu tranh, cuối cùng chính phủ Mỹ cũng nhận ra tầm quan trọng của những bộ tộc người da đỏ. Nhiều bảo tàng được dựng lên và hệ thống giáo dục cũng đưa lịch sử về các bộ tộc người Mỹ bản địa vào giảng dạy như một cách để bày tỏ sự tôn trọng đến những người dân bản địa này. - Ngày nay, một số bộ tộc người da đỏ vẫn còn sinh sống ở một số vùng nhất định của Mỹ. Dù số lượng không nhiều nhưng những người dân da đỏ vẫn mang trên mình niềm tự hào về nguồn gốc và sức sống của bộ tộc mình. Cách 2: Những thông tin về người Anh diêng được đề cập trong video clip: - Nạn diệt chủng Holocaust diễn ra trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai. - Lịch sử của người Anh diêng ở châu Mỹ sau nhiều cuộc chiến tranh và diệt chủng. - Cuộc khai thác, đồng hoá văn minh của người phương Tây và sự phản kháng của người da đỏ.
---	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

- a. Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về vai trò của dữ liệu trong văn bản thông tin, dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, đánh giá tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu.
- b. Nội dung hoạt động:** Đọc kiến thức ngữ văn và trả lời nhanh một số câu hỏi.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời chính xác của các đội chơi.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm						
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ vụ - GV cho HS hoạt động cá nhân trong 2 phút, đọc phần Tri thức Ngữ văn. - Sau đó, HS gấp sách giáo khoa lại và trả lời nhanh các câu hỏi sau: Câu 1. Trong các định nghĩa sau, định nghĩa nào đúng và đầy đủ nhất về dữ liệu? A. Dữ liệu là các thông tin dưới dạng chữ viết, kí hiệu, số liệu, hình ảnh, âm thanh,...nhằm mô tả hoặc đo lường sự vật. B. Dữ liệu là các thông tin chỉ tồn tại dưới dạng chữ viết. C. Dữ liệu là các phương tiện phi ngôn ngữ làm sáng tỏ thông tin được thể hiện dưới dạng chữ viết. D. Dữ liệu là các thông tin chính và thông tin chi tiết trong văn bản thông tin. Câu 2. Ý nào không đúng về vai trò của dữ liệu của văn bản thông tin?	I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn 1. Vai trò của dữ liệu trong văn bản thông tin * Khái niệm: Dữ liệu là các thông tin dưới dạng chữ viết, kí hiệu, số liệu, hình ảnh, âm thanh,...nhằm mô tả hoặc đo lường sự vật. * Vai trò của dữ liệu trong VB thông tin: - Dữ liệu là yếu tố quan trọng bậc nhất của văn bản thông tin. - VB thông tin chỉ thực sự có giá trị khi cung cấp cho người đọc những thông tin mới, đáng tin cậy, dựa trên những dữ liệu phong phú, chính xác, khách quan. - Lập trường, thái độ, quan điểm của tác giả cũng được bộc lộ một cách gián tiếp qua cách chọn lọc, sắp xếp, trình bày, đánh giá dữ liệu. 2. Dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp <table><tr><th></th><th>Dữ liệu sơ cấp</th><th>Dữ liệu thứ cấp</th></tr><tr><td>Khái niệm</td><td>là dữ liệu được người viết thu thập một cách trực tiếp qua hoạt động quan sát, phỏng vấn, điều tra, thí nghiệm,...</td><td>Là dữ liệu được khai thác bằng con đường gián tiếp, sử dụng lại những nguồn thông tin đã có từ trước</td></tr></table>		Dữ liệu sơ cấp	Dữ liệu thứ cấp	Khái niệm	là dữ liệu được người viết thu thập một cách trực tiếp qua hoạt động quan sát, phỏng vấn, điều tra, thí nghiệm,...	Là dữ liệu được khai thác bằng con đường gián tiếp, sử dụng lại những nguồn thông tin đã có từ trước
	Dữ liệu sơ cấp	Dữ liệu thứ cấp					
Khái niệm	là dữ liệu được người viết thu thập một cách trực tiếp qua hoạt động quan sát, phỏng vấn, điều tra, thí nghiệm,...	Là dữ liệu được khai thác bằng con đường gián tiếp, sử dụng lại những nguồn thông tin đã có từ trước					

A. Dữ liệu là yếu tố quan trọng bậc nhất của văn bản thông tin. B. Dựa trên những dữ liệu phong phú, chính xác, khách quan, người viết sẽ cung cấp cho người đọc những thông tin mới, đáng tin cậy. C. Lập trường, thái độ, quan điểm của tác giả cũng được bộc lộ một cách gián tiếp qua cách chọn lọc, sắp xếp, trình bày, đánh giá dữ liệu D. Dữ liệu thuyết phục người đọc tin vào thái độ, quan điểm của người viết. Câu 3. Điền từ thích hợp vào các câu sau: a. ...là dữ liệu được người viết thu thập một cách trực tiếp qua hoạt động quan sát, phỏng vấn, điều tra, thí nghiệm,... b. ...là dữ liệu được khai thác bằng con đường gián tiếp, sử dụng lại nguồn thông tin đã có từ trước. Câu 4. Đề đánh giá tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu trong VB thông tin, người đọc có thể thực hiện những thao tác nào? (có thể chọn nhiều đáp án) a, Thăm định nguồn dữ liệu b, Đánh giá tính logic trong cách trình bày c, Gặp trực tiếp người viết VB thông tin	Đặc điểm, vai trò	+ Dữ liệu sơ cấp có thể tồn tại dưới dạng các bản ghi chép, nhật ký, sổ liệu điều tra, kết quả khảo sát, thực nghiệm, bản vẽ, ảnh chụp tại hiện trường. + Dữ liệu sơ cấp có giá trị thực tiễn, giúp người đọc hình dung ra hiện trạng của vấn đề, sự việc, tuy nhiên có thể hàm chứa thiên kiến của người thu thập.	+ Dữ liệu thứ cấp mang lại cái nhìn đa dạng, nhiều chiều hơn về vấn đề, song độ tin cậy của dữ liệu thứ cấp lại phụ thuộc vào nguồn thông tin gốc
			3. Đánh giá tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu Để đánh giá tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản thông tin, người đọc có thể thực hiện một số thao tác sau: - Thăm định nguồn dữ liệu. - Đánh giá tính logic trong cách trình bày. - Phân biệt sự thật và ý kiến. - Suy luận để nhận ra thiên kiến của tác giả. - So sánh các dữ liệu trong VB đọc với dữ liệu tương tự ở một số văn bản khác.

d, Đến tận nhà xuất bản cung cấp tài liệu e, Phân biệt sự thật và ý kiến f, Tìm kiếm các tác phẩm văn học có liên quan đến dữ liệu g, Suy luận để nhận ra thiên kiến của tác giả h, So sánh các dữ liệu trong VB đọc với dữ liệu tương tự ở một số văn bản khác. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc Tri thức Ngữ văn và trả lời nhanh các câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV mời 1 - 2 HS trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức. Gợi ý đáp án: Câu 1. A. Câu 2. D. Câu 3. a, Dữ liệu sơ cấp b, Dữ liệu thứ cấp. Câu 4. Các đáp án đúng: a, b, e, g, h.	
---	--

2.2: Đọc và tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được những nét chung về tác giả, văn bản

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

c. Sản phẩm: Thảo luận nhóm bàn tìm hiểu khái quát về văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
2.2. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản. 2.2.1 Đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	II. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt

GV nêu yêu cầu: - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc to, rõ ràng, chú ý các từ phiên âm theo tiếng nước ngoài. - Gọi một vài HS đọc theo từng đoạn/phần và tìm hiểu các chú thích SGK, giải thích các từ khó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS đọc văn bản Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức 2.2.2 Đọc, xác định bố cục và nội dung chính Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - Làm việc theo nhóm bàn - Đọc lướt văn bản, hoàn thiện PHT 01: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01 Tìm hiểu chung về tác phẩm <i>Nhiệt đới buồn</i>, văn bản <i>Pa-ra-na</i> + Tóm tắt các thông tin chính về tác giả Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rôt. + Tóm tắt các thông tin chính về tác phẩm <i>Nhiệt đới buồn</i> + Nêu xuất xứ, bố cục của đoạn trích <i>Pa-ra-na</i> Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lướt SGK, đọc bảng kiến thức, suy nghĩ	- Là nhà nhân học, dân tộc học, triết học nổi tiếng người Pháp. - Các nghiên cứu của Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rôt bao trùm nhiều lĩnh vực, có ảnh hưởng sâu rộng trên thế giới, luôn thể hiện một tầm nhìn toàn cầu về nhân loại, chống lại việc độc tôn văn minh phương Tây, bảo vệ sự đa dạng văn hóa và cảnh báo nguy cơ thiên nhiên bị hủy diệt. - Các công trình tiêu biểu của ông: <i>Những cấu trúc sơ đẳng về thân tộc</i> (1949), <i>Chủng tộc và lịch sử</i> (1952), <i>Nhiệt đới buồn</i> (1955), <i>Nhân loại học cấu trúc</i> (1958), <i>Tư tưởng hoang dã</i> (1962),... 2. Tác phẩm <i>Nhiệt đới buồn</i> - là tác phẩm tự truyện, du kí, đồng thời cũng là một ghi chép dân tộc học, du khảo triết học độc đáo. - Tác phẩm được viết sau hai mươi năm khảo sát thực địa ở Bra-xin, nơi ông có cơ hội được tiếp xúc với nền văn hóa Anh điêng đang đứng trước nguy cơ bị hủy hoại. - Tác phẩm đã đặt ra nhiều vấn đề đáng suy ngẫm về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên và về chính bản chất, lịch sử của nhân loại. 3. Đoạn trích <i>Pa-ra-na</i> a. Xuất xứ: Trích trong tác phẩm <i>Nhiệt đới buồn</i>. b. Bố cục: 3 phần
--	--

- GV gọi 01 HS trình bày, gọi 01 khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở.  Tác giả Cờ-lôt Lê-vi-Xtơ-rốt	- Phần 1: Từ đầu đến “<i>chuyến đi kiểm tra của ông ta</i>”: giới thiệu, dẫn dắt về cuộc tiếp xúc của tác giả với người Anh điêng hoang dã. - Phần 2: Tiếp đến “<i>buộc họ tiếp tục đi theo lối vốn có của mình</i>”: Số phận của người Anh điêng bản địa trong lịch sử. - Phần 3: còn lại: Người Anh điêng vẫn giữ nhiều yếu tố văn hóa truyền thống, họ đã tạo ra sự kết hợp độc đáo giữa văn hóa nguyên thủy và hiện đại.
--	---

2.3. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản; đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết và nội dung của văn bản dựa trên trải nghiệm, quan điểm của người đọc qua văn bản *Pa-ra-na*.
- Chỉ ra được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề; đề xuất được các nhan đề khác cho văn bản *Pa-ra-na*.
- Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin qua văn bản *Pa-ra-na*.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị trước tiết học.

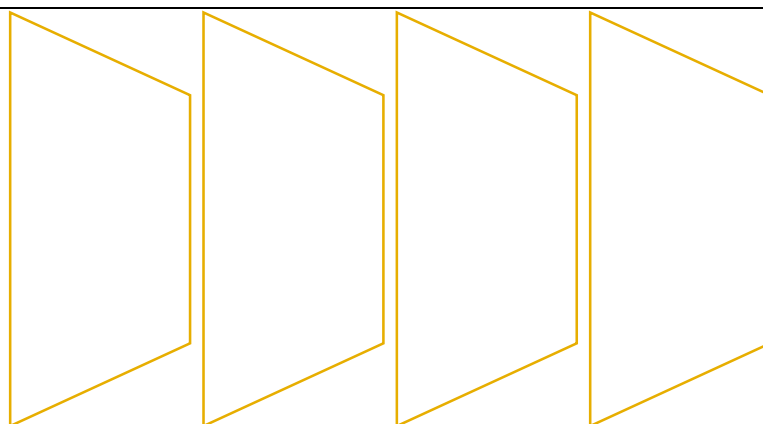
c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

PHT 02: TÌM HIỂU THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SỐ PHẬN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA TRONG LỊCH SỬ

HS đọc đoạn 2 trong VB và thực hiện các yêu cầu sau:

(1) Hoàn thành sơ đồ thông tin về số phận của người bản địa trong lịch sử:



(2) Nhận xét về số phận người Anh đìêng qua những thông tin trên.

**PHT 03: TÌM HIỂU THÔNG TIN VỀ CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI GIÊ
DƯỚI CHẾ ĐỘ THỰC DÂN VÀ SỰ XUNG ĐỘT GIỮA VĂN HÓA
NGUYÊN THỦY VÀ HIỆN ĐẠI**

(1) Đọc đoạn 3 của văn bản, hoàn thành bảng về thông tin cuộc sống của người Giê dưới chế độ thực dân sau:

Chính sách và hoạt động của chính quyền thực dân	Phản ứng của người bản xứ
.....	

(2) Từ những dữ liệu đó, bạn có nhận xét gì về mối quan hệ giữa chính quyền thực dân và những người da đỏ bản xứ?

--

PHT 04: TÌM HIỂU VỀ DỮ LIỆU SƠ CẤP VÀ DỮ LIỆU THỨ CẤP TRONG VĂN BẢN

Đọc lại các dữ liệu trong văn bản và hoàn thành bảng sau:

	Dữ liệu sơ cấp	Dữ liệu thứ cấp
Dữ liệu minh họa (Tìm trong văn bản)		
Cơ sở xác định		
Tác dụng		

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
*Thao tác 1: Tìm hiểu đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoạt động cặp đôi, trả lời những câu hỏi sau: (1) Xác định đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản.	III. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản - Đề tài: Văn minh và hoang dã, nguyên thủy và hiện đại. - Thông tin cơ bản: lịch sử và văn hóa của người Anh điêng. - Nhan đề: <i>Pa-ra-na</i> => Ý nghĩa nhan đề văn bản: Pa-ra-na là tên một bang nằm ở phía nam của Bra-xin, được bao phủ bởi rừng bách tán, một trong những rừng cận nhiệt đới quan trọng nhất trên thế giới. => Nhan đề có liên quan chặt chẽ với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản: Vào thời kì phát hiện ra xứ sở này, toàn bộ

(2) Nêu ý nghĩa nhan đề văn bản. Chỉ ra mối liên hệ giữa nhan đề với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận cặp đôi, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 – 2 cặp đôi trả lời. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức *Thao tác 2: Tìm hiểu thông tin chi tiết trong văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoạt động nhóm, hoàn thành nhiệm vụ sau: - Nhóm 1, 2: Hoàn thành PHT 02. - Nhóm 3, 4: Hoàn thành PHT 03 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:	khu vực nam Bra-xin là nơi trú ngụ của người Anh diêng bản xứ. 2. Chi tiết, dữ liệu trong văn bản a. Thông tin chi tiết trong văn bản * Thông tin về số phận của người bản địa trong lịch sử Trước thời kì thuộc địa Giê sống ở toàn bộ khu vực nam Bra-xin Vài thế kỉ trước Người Tupi chiếm vùng biển và bị xóa sổ bởi thực dân. Người Giê rút lui vào vùng hẻo lánh 1924 Phần lớn người Giê bị ép phải định cư để khai hóa văn minh Sau đó Chính quyền để học sống theo cách của mình. Người Giê quay lại với lối sống cổ xưa => Nhận xét về số phận của người Anh diêng: Những thông tin về trên cho thấy tình thế ngặt nghèo của người Anh diêng: - Từ sau khi bị người châu Âu xâm lược, người Giê bản địa ở khu vực nam Bra-xin đã bị dồn đuổi, phải sống lẩn trốn, bị cưỡng bức định cư, bị áp đặt bởi văn hóa người da trắng và sau này bị bỏ mặc => Từ một dân tộc người bản địa chiếm đa số và là chủ nhân của mảnh đất, họ trở thành kẻ bị xua đuổi, trấn áp và trở thành một cộng đồng thiểu số bị mất tiếng nói, bị đồng hóa và lãng quên => Đây cũng là số phận chung của một số cộng đồng thiểu số ở châu Mỹ nói chung, dưới sức ép cuộc bành trướng thuộc địa của người phương Tây da trắng. * Thông tin về cuộc sống của người Giê dưới chế độ thực dân và sự xung đột giữa văn hóa nguyên thủy và hiện đại
--	---

HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành PHT theo yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 2 nhóm báo cáo. - Các nhóm còn lại nhận xét. Bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.	- Thông tin về cuộc sống của người Giê dưới chế độ thực dân được triển khai qua những dữ liệu miêu tả các chính sách và hoạt động của chính quyền cũng như những phản ứng của người bản xứ, những tập tục cư trú, sinh hoạt, ăn uống, lao động, phục sức, mưu sinh,...của họ: <table border="1" data-bbox="603 450 1442 1128"> <thead> <tr> <th>Chính quyền thực dân</th><th>Người bản xứ</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Ép người Anh điêng bản xứ phải định cư trong các ngôi làng, quy họ vào đối tượng cần được khai hóa văn minh.</td><td>Vẫn sống du cư</td></tr> <tr> <td>Gửi đến rìu, dao, đinh, chày gỗ; quần áo, chăn màn.</td><td>Không dùng đến, vẫn sử dụng những công cụ và kỹ thuật cổ xưa.</td></tr> <tr> <td>Xây nhà, cấp giường.</td><td>Vẫn ở ngoài trời, phá giường làm củi đun.</td></tr> <tr> <td>Gửi đến những đàn bò.</td><td>Để mặc chúng đi lang thang, từ chối sữa và thịt.</td></tr> </tbody> </table> - Những dữ liệu mà tác giả cung cấp về cuộc sống của người Giê cho thấy: + Sự xung đột quyền lực giữa những nỗ lực trấn áp, đồng hóa, khai hóa văn minh của người da trắng >< sự kháng cự của thổ dân da đỏ. + Người da đỏ đã từ chối văn minh, quay trở lại với đời sống hoang dã, với những kỹ thuật và tập tục cổ xưa. => Kết quả là dấu vết của văn minh chỉ nằm ở lớp vỏ hời hợt bên ngoài, công cuộc đồng hóa thất bại, cán cân quyền lực thay đổi khi văn hóa nguyên thủy, văn hóa bản địa cất lên tiếng nói. (thay vì những que diêm, người Anh điêng vẫn ưa thích việc quay hạt xát mạnh vào nhau hai mẫu gỗ mềm của cái khoan lửa; người đàn ông đi săn bằng những cây cung và mũi tên thay vì những khẩu súng trường, súng lục cũ kỹ do chính phủ phân phát...)	Chính quyền thực dân	Người bản xứ	Ép người Anh điêng bản xứ phải định cư trong các ngôi làng, quy họ vào đối tượng cần được khai hóa văn minh.	Vẫn sống du cư	Gửi đến rìu, dao, đinh, chày gỗ; quần áo, chăn màn.	Không dùng đến, vẫn sử dụng những công cụ và kỹ thuật cổ xưa.	Xây nhà, cấp giường.	Vẫn ở ngoài trời, phá giường làm củi đun.	Gửi đến những đàn bò.	Để mặc chúng đi lang thang, từ chối sữa và thịt.
Chính quyền thực dân	Người bản xứ										
Ép người Anh điêng bản xứ phải định cư trong các ngôi làng, quy họ vào đối tượng cần được khai hóa văn minh.	Vẫn sống du cư										
Gửi đến rìu, dao, đinh, chày gỗ; quần áo, chăn màn.	Không dùng đến, vẫn sử dụng những công cụ và kỹ thuật cổ xưa.										
Xây nhà, cấp giường.	Vẫn ở ngoài trời, phá giường làm củi đun.										
Gửi đến những đàn bò.	Để mặc chúng đi lang thang, từ chối sữa và thịt.										

*Thao tác 3: Tìm hiểu dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp trong văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoạt động nhóm bàn hoàn thành PHT 04. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm bàn hoàn thành PHT theo yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 - 2 nhóm báo cáo. - Các nhóm còn lại nhận xét. Bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức	=> Sự thay đổi của vị thế quyền lực này cho thấy sức sống, vẻ đẹp, sự bền vững của các giá trị truyền thống bản địa trước sự trấn áp của văn minh phương Tây. b. Dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp Các dữ liệu được cung cấp trong văn bản vừa là dữ liệu sơ cấp vừa là dữ liệu thứ cấp:		
		Dữ liệu sơ cấp	Dữ liệu thứ cấp
	Dữ liệu minh họa	Các dữ liệu về cuộc sống của người Anh diêng bản xứ như: - <i>Những đồ vật khiến ta trầm tư ấy vẫn còn trong các bộ lạc như là nhân chứng của một thời kì khi người Anh diêng không biết đến nhà ở, quần áo, cũng như vật dụng bằng kim loại.</i> - <i>Và những khẩu súng trường, súng lục cũ kĩ xưa kia do chính phủ phân phát, thường thấy chúng treo trong những ngôi nhà bỏ hoang, trong khi người đàn ông đi săn trong rừng với cây cung</i>	Các dữ liệu về lịch sử của người Anh diêng bản xứ như: - <i>Vào thời kì phát hiện ra xứ sở này, toàn bộ khu vực nam Bra-xin là nơi trú ngụ của những nhóm người có mối quan hệ gần gũi về ngôn ngữ và văn hoá và người ta xếp chung dưới tên gọi là Giê.</i> - <i>Trong những khu rừng của các bang phía nam: Pa-ra-na và Xan-ta Ca-ta-ri-na những nhóm nhỏ người hoang dã đã tồn tại cho tới thế kỉ XX; có thể còn tồn tại vài nhóm cho tới năm 1935, bị truy đuổi</i>

		và những mũi tên của một kĩ thuật cũng chắc chắn như kĩ thuật của các dân tộc chưa hề biết đến vũ khí nóng.	tàn bạo đến mức trong khoảng một trăm năm gần đây nhất họ phải trốn biệt; nhưng phần lớn họ đã bị hao mòn và được chính phủ Bra-xin cho định cư ở nhiều trung tâm vào khoảng năm 1914.
	Cơ sở xác định	- Dữ liệu được tác giả thu thập bằng phương pháp thực nghiệm, điền dã, khảo sát trực tiếp: <i>Trên những dải đất nhìn xuống hai bờ sông Ri-ô Ti-ba-gi ấy, ở độ cao 1 000 mét so với mặt biển, lần đầu tiên tôi đã tiếp xúc với những người hoang dã....</i> - Văn bản được trích ra từ tác phẩm <i>Nhiệt đới buồn</i>. Đây là một ghi chép dân tộc học, được viết sau hai mươi năm	Gián tiếp từ các tài liệu khác nhưng tác giả không trích rõ nguồn.

		đi khảo sát thực địa của Lê-vi-Xtơ-rôt ở Bra-xin.	
	Tác dụng	- Tạo bất ngờ, gây sự tò mò, muốn khám phá của độc giả, giúp độc giả hình dung ra cuộc sống của người Anh điêng bản xứ ở một vùng đất xa xôi vào thời kì trước. - Đập tan các định kiến của người phương Tây đã gán cho cộng đồng các dân tộc thiểu số trên thế giới: man rợ, thấp kém, lạc hậu.	Giúp người đọc có thể hình dung được bối cảnh lịch sử mà người Anh điêng đã trải qua và số phận của họ. Đồng thời, những dữ liệu này cũng cung cấp những tri thức về lịch sử của châu Mỹ.

***Thao tác 4: Tìm hiểu vai trò của người trần thuật xưng tôi và lập trường, quan điểm, thái độ của tác giả**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

HS hoạt động cặp đôi, thảo luận theo nhiệm vụ của từng dãy bàn:

3. Vai trò của người trần thuật xưng “tôi” và lập trường, quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản

a. Vai trò của người trần thuật xưng “tôi”

- Vai trò quan sát, khảo cứu, thu thập dữ liệu, ghi chép và mô tả lại những thông tin về lịch sử, cuộc sống của người Anh điêng: Người trần thuật xưng “tôi” cung cấp cho người đọc những thông tin xác thực, mới mẻ, sinh động về người Anh điêng: từ số phận của họ trong lịch sử đến tập quán, lối sống, hành vi, cách cư trú, ăn mặc, săn bắn, lao động,... của họ.
- Vai trò suy ngẫm, phân tích, tìm ra cấu trúc, bản chất, quy luật, xung đột quyền lực chìm bên dưới những dữ liệu bề

- Dãy 1: Phân tích vai trò của người trần thuật xưng “tôi” trong văn bản. - Dãy 2: Hãy cho biết lập trường, quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản. Bằng cách nào bạn nhận ra điều đó? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm bàn hoàn thành PHT theo yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 - 2 nhóm báo cáo. - Các nhóm còn lại nhận xét. Bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức	mặt: Người trần thuật xưng “tôi” đưa ra các nhận xét, đúc kết: + “Người thổ dân chỉ giữ của trải nghiệm văn minh ngấn ngủ những bộ quần áo Bra-xin, cái rìu, con dao, kim khâu” + “ Người Anh điêng ở Ti-ba-gi vừa không hoàn toàn là “người Anh điêng thực thụ”, vừa, nhất là, không phải là “người hoang dã””. + “Nền văn hóa của họ, một mặt được tạo thành bởi những truyền thống lâu đời đã kháng cự lại ảnh hưởng của người da trắng” + “Những lối sống cổ xưa, những kĩ thuật truyền thống tái xuất hiện, nảy sinh từ một quá khứ mà ta sẽ sai lầm khi quên mất sự gần gũi sống động”... => Sự kết hợp giữa hai lối tư duy cụ thể và trừu tượng, thực tiễn và suy lí này đã khiến cho tác phẩm vừa sinh động, thú vị nhưng cũng vừa sâu sắc, giàu tính triết lí. b. Lập trường, quan điểm, thái độ của tác giả - Lập trường: Tác giả không chỉ đứng ở vị trí người quan sát bên ngoài, mà còn nhìn nền văn hóa bản địa từ cái nhìn bên trong để hiểu được nguyên lí, gốc rễ của nền văn hóa ấy; đồng thời còn nhìn từ cái nhìn đồng đại và lịch đại, cụ thể và trừu tượng. => Việc quan sát đối tượng từ cái nhìn đa chiều đó đã giúp gỡ bỏ những thiên kiến, sự đối lập giữa “tôi” và “họ”, “mình” và “kẻ khác” mang lại sự hiểu biết rộng rãi, phong phú nhưng sâu sắc; một tầm nhìn rộng lớn về đối tượng. - Thái độ: + Thái độ nghiên cứu hết sức nghiêm cẩn, trách nhiệm, khách quan nhưng cũng đầy đồng cảm và thấu hiểu: Tác giả quan sát cuộc sống của người Anh điêng bằng cách thâm nhập thực tế, quan sát, tìm hiểu một cách hết sức cặn kẽ, chú ý đến từng chi tiết rất nhỏ như chiếc chày đá được mài nhẵn tuyệt đẹp, chiếc khung máy khâu,...; đồng thời đào sâu vào quá khứ lịch sử để hiểu thấu đáo thân phận của họ,
--	--

	suy ngẫm và phân tích để gạt bỏ những lớp vỏ hời hợt bề ngoài, tìm thấy những nguyên tắc chìm phía dưới. + Tác giả thể hiện thái độ ngưỡng mộ đối với vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt và sự tinh tế của nền văn hoá bản địa. Điều này thể hiện qua những cách diễn đạt bộc lộ cảm xúc như: “thất vọng lớn cho tôi”, “họ đã cho tôi một bài học về sự thận trọng và tính khách quan”,... - Quan điểm của tác giả: Đối thoại với tư tưởng “dĩ Âu vi trung”, tư tưởng thực dân và những định kiến đã tồn tại lâu đời trong xã hội phương Tây về sự lạc hậu của cộng đồng các dân tộc thiểu số, đồng thời khẳng định sự bình đẳng và đa dạng giữa các nền văn hoá và kêu gọi sự trở về, sống hài hoà với thiên nhiên, giữ gìn bản sắc dân tộc.=> Quan điểm này khiến cho Cờ-lốt Lê-vi-xơ-rôt không chỉ là một nhà nhân chủng học tiên phong, mà còn là một trong những nhà tư tưởng vĩ đại của thế kỉ XX.
--	--

2.4. Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: Trong vòng một phút, hãy làm việc cặp đôi và ghi lại những nét đặc sắc nhất về nội dung, nghệ thuật của văn bản và trình bày trong 1 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện theo cặp đôi. Ghi lại những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận.	IV. TỔNG KẾT 1. Về nội dung: Văn bản <i>Pa-ra-na</i> cung cấp thông tin về số phận người Anh diêng bản địa trong lịch sử và sự mâu thuẫn giữa văn hóa nguyên thủy với hiện đại. Từ đó, tác giả thể hiện vai trò, giá trị của nền văn hóa truyền thống nói chung. 2. Về nghệ thuật: - Cung cấp cả dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp. - Ngôn ngữ khoa học, chính xác

- Đại diện cặp đôi trình bày trong 1 phút. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	- Tác giả sử dụng phương pháp quan sát, so sánh, phân tích để đưa ra những nhận xét khách quan về cuộc sống của người dân bản địa.
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Tham gia trò chơi học tập, trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Kết quả tham gia trò chơi, câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Trắc nghiệm củng cố qua trò chơi “Bảo vệ rừng xanh”

Bước 1: GV giao nhiệm vụ.

GV phổ biến luật chơi: Chúng ta hãy cùng trả lời đúng các câu hỏi để giúp các chú khi ngăn chặn hành vi của bọn lâm tặc nhé!

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV lần lượt đọc câu hỏi. HS tham gia trò chơi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Gv công bố kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

*** Gợi ý nhóm câu hỏi:**

Câu 1. Cờ-lốt Lê-vi-xơ-rôt là người nước nào?

- A. Người Mỹ
- B. Người Anh
- C. Người Pháp
- D. Người Bra-xin

Câu 2. Trong tác phẩm *Nhiệt đới buồn*, tác giả đã không đề cập đến vấn đề nào sau đây:

- A. Nền văn hóa của người Anh diêng bản địa
- B. Mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã
- C. Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên và về chính bản chất, lịch sử của nhân loại
- D. Vấn đề sản xuất vũ khí hạt nhân trên toàn cầu

Câu 3. Nhận định nào đúng khi nói về số phận của người Anh diêng trong lịch sử:

- A. Được chính phủ quan tâm, giúp họ có cuộc sống văn minh, thoát khỏi sự lạc hậu, nghèo nàn.

B. Được tự do sống lối sống hoang dã của mình, chính phủ không can thiệp vào cuộc sống của họ

C. Sau khi bị người châu Âu xâm lược, họ đã phải sống khổ cực, bị cưỡng bức định cư. Họ đã bị ép đồng hoá, bị bỏ mặc và lãng quên

D. Họ là người cổ hủ, lạc hậu; không chịu tiếp nhận nền văn hóa văn minh

Câu 4. Những dữ liệu nào dưới đây là dữ liệu thứ cấp trong văn bản?

A. Những đồ vật khiến ta trầm tư ấy vẫn còn trong các bộ lạc như là nhân chứng của một thời kì khi người Anh điêng không biết đến nhà ở, quần áo, cũng như vật dụng bằng kim loại.

B. Trong những khu rừng của các bang phía nam: Pa-ra-na và Xan-ta Ca-ta-ri-na những nhóm nhỏ người hoang dã đã tồn tại cho tới thế kỉ XX

C. Và những khẩu súng trường, súng lục cũ kĩ xưa kia do chính phủ phân phát, thường thấy chúng treo trong những ngôi nhà bỏ hoang

D. Ở đâu ra vậy những chiếc chày đá được mài nhẵn tuyệt đẹp tôi đã tìm thấy, trong nhà của người Anh điêng, lẫn lộn giữa những đĩa sắt tráng men, những cùi dĩa của cửa hàng bách hóa

Câu 5. Tác giả đã đứng ở vị trí nào để quan sát và miêu tả của người Anh điêng?

A. Tác giả đứng ở vị trí quan sát bên ngoài

B. Tác giả nhìn nền văn hóa bản địa từ cái nhìn bên trong

C. Tác giả nghiên cứu, thu thập các tài liệu về người Anh điêng

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 6. Theo VB, kết quả của sự xung đột quyền lực giữa một bên là những nỗ lực khai hóa văn minh của người da trắng và một bên là sự kháng cự của thổ dân da đỏ là gì?

A. Văn minh thắng thế; văn hóa truyền thống được thay thế bởi nền văn minh hiện đại

B. Công cuộc đồng hóa của người da trắng thất bại, người thổ dân da đỏ vẫn giữ vững giá trị văn hóa truyền thống

C. Dung hòa, cả nền văn minh và hoang dã cùng tồn tại và phát triển

D. Sự xung đột này không phân định được kết quả

*** Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV đọc câu hỏi:

- **Nhóm 1, 2:** Theo bạn, văn bản này có hạn chế gì trong việc cung cấp dữ liệu?

- **Nhóm 3, 4:** Thông điệp bạn nhận được từ văn bản là gì? Đặt trong bối cảnh ra đời của văn bản, theo bạn, thông điệp đó có ý nghĩa gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS nghe yêu cầu và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu

Kĩ thuật Think – Pair – Share

B1: Think (Nghĩ): HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên ý tưởng của mình. B2: Pair (Bắt cặp): HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có. B3: Share (Chia sẻ): HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn hoặc chia sẻ trước lớp.	
--	--

+ Gv quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của các nhóm (có thể sử dụng thêm các hình ảnh nếu cần).

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

***Dự kiến sản phẩm:**

- **Nhóm 1, 2:** Câu trả lời của HS. Ví dụ:

+ Văn bản chỉ có kênh chữ mà không có kênh hình sẽ làm giảm đi phần sinh động.

+ Những dữ liệu thứ cấp liên quan đến lịch sử của người Anh dường được trích và sử dụng nhưng chưa nêu nguồn dẫn rõ ràng, cụ thể nên chưa thật sự thuyết phục.

- **Nhóm 3, 4.** Thông điệp và ý nghĩa mà HS đưa ra như:

+ VB gửi tới người đọc thông điệp về hòa bình, sự tôn trọng những khác biệt văn hóa, chống lại tư tưởng thực dân và bá quyền văn hóa, giúp con người có thể chung sống với nhau một cách hài hòa, tốt đẹp

+ Xét trong bối cảnh ra đời, VB đặt ra chất vấn đối với chế độ thực dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc; hàm chứa sự phê phán đối với nền học thuật đầy định kiến của người phương Tây; gợi ra những âu lo về nguy cơ biến mất của những nền văn hóa

thiếu số; đồng thời cũng dấy lên niềm hi vọng về sức sống và sự trường tồn của văn hóa cổ xưa.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Bài tỏ quan điểm suy nghĩ của bản thân

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu: Văn bản gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ đó.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc, cảm nhận, suy nghĩ để trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi từ 2-3 HS chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của bản thân

Bước 4. Kết luận, nhận định

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
Nội dung	Trình bày suy nghĩ của bản thân về mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã	
	Giới thiệu vấn đề	1
	Trình bày cụ thể về vấn đề xoay quanh những câu hỏi: + Phải chăng văn hóa hiện đại thì cao cấp, ưu việt và tiến bộ hơn văn hóa nguyên thủy? + Hoang dã phải chăng đồng nghĩa với thấp kém? + Làm thế nào để có thể cân bằng giữa phát triển, văn minh, hiện đại và bảo tồn những giá trị truyền thống? + Trong đời sống đương đại, liệu những dấu ấn của văn hóa nguyên thủy có còn tồn tại? Nếu có thì nó tồn tại ở đâu, dưới dạng thức nào, có cần thiết cho con người hay không?	6
	Khẳng định, khái quát vấn đề	1

Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Tìm đọc các đoạn trích khác trong tác phẩm *Nhiệt đới buồn* của tác giả Cờ-lôt Lê-vi-xơ-rốt.

- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục* (Nguyễn Nam)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung module được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết:..83,84

VĂN BẢN 2: GIÁO DỤC KHAI PHÓNG Ở VIỆT NAM NHÌN TỪ ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

- Nguyễn Nam-

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

*Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ* (đọc – viết – nói và nghe); *năng lực văn học*.

HS biết đọc hiểu văn bản thông tin:

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục*, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết về Đông Kinh Nghĩa Thục.
- Nhận biết được bố cục và mạch lạc của văn bản.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.
- So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thể hiện quan điểm của bản thân về giáo dục khai phóng và đọc hiểu văn bản mới cùng thể loại.

2. Phẩm chất: HS có thái độ trân trọng đối với những di sản của quá khứ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị:

- Tivi có mạng internet, kết nối với máy tính của GV
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm và mẫu PHT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức cũ.
- Tạo hứng thú.
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.

b. Nội dung hoạt động: Thiết kế sản phẩm học tập/xem video clip và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Cách 1: GV giao nhiệm vụ cho HS thu thập tư liệu, tóm tắt các thông tin trước ở nhà: + Tìm hiểu về phong trào Tân thư ở Trung Quốc, Nhật Bản và ảnh hưởng của phong trào đó tới Việt Nam.	Cách 1: Một số thông tin về Đông Kinh Nghĩa Thục: - Tháng 3 - 1907, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền lập trường học lấy tên là Đông Kinh nghĩa thực, trường dạy các môn khoa học; tổ chức các buổi diễn thuyết, xuất bản sách báo tuyên truyền tinh thần yêu nước...

+ Cả lớp thực hiện cùng một dự án: Có thể chọn một trong các sản phẩm học tập sau: thiết kế tạp chí, tổ chức, cuộc triển lãm ảnh về trường học Đông Kinh Nghĩa Thục, dựng lại mô hình kiến trúc trường học Đông Kinh Nghĩa Thục, làm infographic tóm tắt những sự kiện chính trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Cách 2: GV cho HS xem video clip về Đông Kinh Nghĩa Thục - ngọn đuốc khai sáng đầu TK XX: https://www.youtube.com/watch?v=PhxgG6VIA84 và trả lời các câu hỏi: <i>Em ấn tượng với thông tin nào về trường học Đông Kinh Nghĩa Thục được nhắc đến trong đoạn video clip?</i> Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời Bước 4: Đánh giá, kết luận. GV cung cấp thêm cho HS một số thông tin về Đông Kinh Nghĩa Thục. => GV dẫn vào bài mới.	- Phạm vi hoạt động khá rộng: Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình... Tuy nhiên, đến tháng 11 - 1907, thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa trường. - Thông qua các hoạt động, Đông Kinh nghĩa thực góp phần thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá tư tưởng dân chủ, dân quyền và một nền văn hóa mới ở nước ta. Cách 2: HS nêu thông tin mình thấy ấn tượng trong video clip và lí giải lí do.
--	---

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được những nét chung về tác giả, văn bản

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
2.1. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản. 2.1.1 Đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc to, rõ ràng, chú ý đọc chính xác các mốc thời gian, sự kiện, trích dẫn. - Gọi một vài HS đọc một số đoạn quan trọng. - Lưu ý: HS cần kết hợp đọc với quan sát, phân tích ý nghĩa của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản; đồng thời cũng cần đọc kĩ phần chú thích để có thêm hiểu biết về lịch sử; từ đó mới có thể hiểu sâu văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS đọc văn bản Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức 2.1.2 Đọc, xác định bố cục và chủ đề chính Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: HS suy nghĩ cá nhân và trả lời các câu hỏi: - Nêu xuất xứ của văn bản. - Xác định chủ đề chính, bố cục của văn bản. Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lướt SGK, suy nghĩ, tìm câu trả lời.	I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả Nguyễn Nam - Sinh năm 1961 - Quê ở tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội) - Là người nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực: lịch sử tư tưởng, văn chương và điện ảnh Đông Á. 2. Văn bản a. Xuất xứ: in trong báo <i>Vietnamnet</i>, ngày 09/11/2022 b. Chủ đề: Giáo dục khai phóng và vai trò tiên phong của Đông Kinh Nghĩa Thục trong việc đề xướng và thực hiện giáo dục khai phóng tại Việt Nam vào đầu thế kỷ 20. c. Bố cục: - Phần mở đầu (Từ đầu đến “<i>xã hội Việt Nam nói chung</i>”): Giới thiệu bối cảnh lịch sử, xã hội Việt Nam đầu thế kỷ 20 và vai trò của Đông Kinh Nghĩa Thục - Phần nội dung (Tiếp đến “<i>không phải kiêng dè chi cả</i>”): Phân tích các khía cạnh của giáo dục khai phóng được thể hiện tại Đông Kinh Nghĩa Thục - Phần kết (Còn lại): Khẳng định giá trị và ảnh hưởng của Đông Kinh Nghĩa Thục đối với sự phát triển của giáo dục khai phóng tại Việt Nam.

- GV gọi 01 HS trình bày, gọi 01 HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở.	
---	--

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục*, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết về Đông Kinh Nghĩa Thục.
- Nhận biết được bố cục và mạch lạc của văn bản.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.
- Phân tích được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị trước tiết học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

PHT 01: TÌM HIỂU BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA ĐKNT VÀ ĐIỂM NHẤN THEN CHÓT CỦA ĐKNT TRONG LỊCH SỬ GIÁO DỤC VIỆT NAM

HS đọc VB và thực hiện các yêu cầu sau:

(1) Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời trong bối cảnh lịch sử nào?

(2) Theo tác giả điểm nhấn then chốt của Đông Kinh Nghĩa Thục là gì? Tác giả đã sử dụng những dữ liệu nào để làm rõ điều này? Nhận xét về những dữ liệu ấy?

PHT 02: TÌM HIỂU THÔNG TIN VỀ GIÁO DỤC KHAI PHÓNG CỦA ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

HS đọc mục *Giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thực* và trả lời các câu hỏi:

(1) Giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thực có đặc điểm gì? Vì sao tác giả lại cho rằng Đông Kinh Nghĩa Thực là một mô hình giáo dục khai phóng?

(2) Tác giả đã sử dụng những dữ liệu nào để chứng minh cho tinh thần khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thực? Những dữ liệu đó có đáng tin cậy không? Vì sao? Từ những dữ liệu đó, tác giả đã rút ra kết luận gì?

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
*Thao tác 1: Tìm hiểu đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ:	II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản - Đề tài: Giáo dục khai phóng - Thông tin cơ bản: Bối cảnh lịch sử, điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục Việt Nam và giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thực

HS hoạt động cặp đôi, trả lời những câu hỏi sau: (1) Xác định đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản. (2) Nêu ý nghĩa nhan đề văn bản. Chỉ ra mối liên hệ giữa nhan đề với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận cặp đôi, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 – 2 cặp đôi trả lời. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức *Thao tác 2: Tìm hiểu thông tin, dữ liệu trong văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoạt động nhóm, hoàn thành nhiệm vụ sau:	- Nhan đề: <i>Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục</i> => Ý nghĩa nhan đề văn bản: <i>Giáo dục khai phóng</i> được hiểu là cung cấp một nền tảng tri thức mở, giúp người học phát triển tư duy phản biện, kỹ năng lập luận và biểu đạt các ý tưởng, thông tin một cách rõ ràng. <i>Đông Kinh Nghĩa Thục</i> ra đời trong bối cảnh thuộc địa đánh dấu một bước phát triển mới trong truyền thống giáo dục khai phóng Việt Nam. => Nhan đề có liên quan chặt chẽ với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản: Các thông tin cơ bản của văn bản đều xoay quanh Đông Kinh Nghĩa Thục và giáo dục khai phóng đã được đề cập đến trong nhan đề văn bản. 2. Thông tin, dữ liệu trong văn bản a. Bối cảnh lịch sử ra đời của Đông Kinh Nghĩa Thục - Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời dưới tác động của những biến động chính trị, kinh tế, xã hội và quân sự lớn ở khu vực Đông Á cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. - Sự truyền bá tư tưởng chính trị, triết học phương Tây tới Đông Á qua hình thức “tân thư”. - Những thành tựu của Nhật Bản về quân sự và chính trị, kinh tế, giáo dục, xã hội. - Việc nhận thức được sức mạnh của giáo dục và ảnh hưởng của mô hình giáo dục Nhật Bản. => Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời trong bối cảnh thuộc địa đánh dấu một bước phát triển mới trong truyền thống giáo dục khai phóng Việt Nam. b. Điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục Việt Nam - Những điểm nhấn then chốt của Đông Kinh Nghĩa Thục: được tiến hành từ dưới lên, bắt nguồn từ dân chúng; theo định hướng độc lập dân tộc; mong cầu tiến bộ về tri thức, tư duy và dân chủ. - Tác giả đã sử dụng các dữ liệu chính: + Sách <i>Đông Kinh Nghĩa Thục</i> của Đào Trinh Nhất: bị cấm trên toàn cõi An Nam từ năm 1937.
--	--

- Nhóm 1, 2: Hoàn thành PHT 01. - Nhóm 3, 4: Hoàn thành PHT 02 Câu hỏi chung cho cả 4 nhóm: Các thông tin trong văn bản được chọn lọc, sắp xếp theo trình tự nào? Nêu tác dụng của cách sắp xếp đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành PHT theo yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 2 nhóm báo cáo. - Các nhóm còn lại nhận xét. Bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.	+ Các bài viết của Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm trình bày rải rác về Đông Kinh Nghĩa Thục trên các tuần báo <i>Thế giới</i> và <i>Tân Việt Nam</i>. + Cuốn sách <i>Đông Kinh Nghĩa Thục</i> chưa được in chính thức của Hoa Bằng. => Tác giả chủ yếu sử dụng dữ liệu thứ cấp => Nhận xét: Những dữ liệu này cho thấy: + Các thư tịch, khảo cứu về Đông Kinh Nghĩa Thục rất ít ỏi, bị chính quyền kiểm duyệt chặt chẽ, phần nào cho thấy sự trấn áp của chính quyền thực dân đối với phong trào này, đồng thời thể hiện những nỗ lực của giới học giả đầu thế kỉ nhằm bảo vệ, khẳng định đóng góp của Đông Kinh Nghĩa Thục. + Tác giả làm nổi bật mối quan hệ đối kháng giữa sự thống trị của quyền lực thực dân và sự kháng cự của giới trí thức Việt Nam, trong bối cảnh xã hội thuộc địa => Từ đó, làm nổi bật tinh thần yêu nước ẩn chứa trong các hoạt động, phong trào. c. Giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục - Thông tin về giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục: + Mục đích – tôn chỉ giáo hóa của Đông Kinh Nghĩa Thục:
---	--



+ Trường khuyến khích tinh thần sáng tạo khoa học của người học, khuyến cáo xã hội nên học theo mẫu hình châu Âu, đề cao tinh thần tự do học thuật dựa trên thực học

=> Đông Kinh Nghĩa Thục là mô hình giáo dục khai phóng vì với những đặc điểm giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục, người học có thể đạt được mục đích của giáo dục khai phóng là cung cấp một nền tảng tri thức rộng mở, giúp người học phát triển tư duy phản biện, kỹ năng lập luận, phân tích và biểu đạt các ý tưởng, thông tin một cách rõ ràng. Những nền tảng tri thức và kỹ năng này sẽ chuẩn bị cho người học năng lực xử lý các vấn đề phức tạp của thế giới và ứng phó với những thay đổi không thể lường trước.

- Để làm rõ đặc điểm giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục, tác giả sử dụng hai dữ liệu chính:

+ Nhận định của Giám học Nguyễn Quyền về Đông Kinh Nghĩa Thục: là thông tin được trích dẫn trong cuốn *Đông Kinh Nghĩa Thục* của Đào Trinh Nhất -> thể hiện cái nhìn, sự đánh giá mang tính chất cá nhân của người đương thời về Đông Kinh Nghĩa Thục.

*Thao tác 3: Tìm hiểu vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ trong VB Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS nhóm bàn thực hiện yêu cầu: Phân tích tác dụng của việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm bàn thực hiện yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	+ Tác phẩm khuyết danh <i>Văn minh tân học sách</i>, là một cương lĩnh giáo dục, thể hiện chủ trương, đường lối, nguyên tắc hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục. => Đây đều là dữ liệu thứ cấp, cho thấy tinh thần khai phóng hiện đại của Đông Kinh Nghĩa Thục toát lên từ mọi hoạt động, phương diện của trường; sự đa dạng trong cách sử dụng văn tự, sự bình đẳng giới, tinh thần thực tiễn, tính chất trách nhiệm, tinh thần sáng tạo, tự do và cởi mở... => Từ các dữ liệu này, tác giả rút ra kết luận: Tinh thần khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục được thể hiện ở dũng khí dám từ bỏ lối học từ chương, cho phép người học tự do học thuật, hướng tới thực học, thúc đẩy tinh thần phản biện, giúp hòa nhập với thế giới hiện đại. => Các thông tin trong văn bản được sắp xếp theo tầm quan trọng của vấn đề. Cách sắp xếp này phù hợp vì giúp người đọc tiếp nhận thông tin theo các mức độ quan trọng một cách dễ dàng, đồng thời, nó cũng tăng tính thuyết phục cho VB. 3. Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản - Hình ảnh 1: Về căn nhà số 4, nhà riêng của cụ Lương Văn Can, đã từng là cơ sở dạy học của Đông Kinh Nghĩa Thục: + Giúp chúng ta hình dung trực quan về xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX (trường Đông Kinh Nghĩa Thục, cấu trúc nhà cửa, trang phục của người dân, phương tiện đi lại,...). + Đồng thời, bức ảnh cũng góp phần khẳng định vai trò quan trọng của cụ Lương Văn Can với Đông Kinh Nghĩa Thục. + Hình ảnh này gắn kết chặt chẽ với nội dung trình bày về Đông Kinh Nghĩa Thục ở SGK (tr. 69 – 70). 
--	---

+ Liệu văn bản có hoàn toàn khách quan không? Vì sao? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 - 2 cặp đôi báo cáo. - Các cặp đôi còn lại nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức	trong lịch sử; tác giả đã thể hiện một cách gián tiếp thái độ ủng hộ đối với giáo dục khai phóng.
--	--

2.3. Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: Trong vòng một phút, hãy làm việc cặp đôi và ghi lại những nét đặc sắc nhất về nội dung; nghệ thuật của bài viết và trình bày trong 1 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện theo cặp đôi. Ghi lại những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận. - Đại diện cặp đôi trình bày trong 1 phút.	III. TỔNG KẾT 1. Về nội dung Văn bản cung cấp thông tin về bối cảnh lịch sử, điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục Việt Nam và giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục dựa trên những dữ liệu khách quan, đáng tin cậy. Qua đó, gián tiếp thể hiện thái độ ủng hộ đối với giáo dục khai phóng nói chung. 2. Về nghệ thuật - Cung cấp nguồn dữ liệu thứ cấp có giá trị, đáng tin cậy.

- Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	- Ngôn ngữ khoa học, chính xác - Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khoa học, hiệu quả.
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Trò chơi học tập, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Trắc nghiệm củng cố qua trò chơi “Túi mù bí ẩn”

Bước 1: GV giao nhiệm vụ.

GV phổ biến luật chơi: Chúng ta hãy cùng trả lời đúng các câu hỏi để xé những túi mù bí ẩn và nhận được những phần quà mình yêu thích nhé!

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV lần lượt đọc câu hỏi. HS tham gia trò chơi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Gv công bố kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

*** Gợi ý nhóm câu hỏi:**

Câu 1. Ai là người thành lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục?

- A. Phan Bội Châu
- B. Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm
- C. Nguyễn Quyền, Lương Văn Can
- D. Nguyễn Nam

Câu 2. Đáp án nào sau đây *không* thuộc đặc điểm của giáo dục khai phóng?

- A. Cung cấp một nền tảng tri thức rộng mở
- B. Giúp người học phát triển tư duy phản biện, kỹ năng lập luận, phân tích và biểu đạt các ý tưởng thông tin một cách rõ ràng
- C. Khuyến khích tinh thần tự do học thuật dựa trên thực học, học trò bàn bạc thảo luận, đối đáp tự do
- D. Cơ sở vật chất khang trang, thiết bị dạy học hiện đại, tạo điều kiện cho học sinh tìm tòi, nghiên cứu

Câu 3. Trong văn bản, tác giả đã sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ nào?

- A. Hình ảnh
- B. Biểu đồ
- C. Sơ đồ
- D. Số liệu

Câu 4. Theo anh/chị, việc sử dụng chủ yếu dữ liệu thứ cấp, được trích dẫn từ những nguồn tư liệu quý hiếm và có giá trị có vai trò gì trong văn bản:

- A. Tạo tính khách quan, độ tin cậy cho thông tin mà tác giả đưa đến trong văn bản
- B. Tạo sự sinh động, hấp dẫn trong văn bản
- C. Thể hiện được rõ thái độ, quan điểm của người viết
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 5. Các thông tin trong văn bản được chọn lọc, sắp xếp theo trình tự nào?

- A. Trình tự thời gian
- B. Trình tự nhân quả
- C. Theo tầm quan trọng của vấn đề
- D. Theo quan hệ so sánh

Câu 6. Trong VB, tác giả đã gián tiếp thể hiện lập trường, quan điểm như thế nào về Đông Kinh Nghĩa Thục?

- A. Phản đối gay gắt vì đó là môi trường giáo dục của nước ngoài, không phù hợp với Việt Nam.
- B. Ủng hộ đối với giáo dục khai phóng
- C. Thái độ trung lập, không đồng tình nhưng cũng không phản đối
- D. Ca tụng, tung hô nền giáo dục khai phóng

*** Nhiệm vụ 2: Viết tích cực**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một dữ liệu gây ấn tượng mạnh mẽ với bạn trong văn bản *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục*.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc, cảm nhận, suy nghĩ để trả lời.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi từ 2-3 HS chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của bản thân

Bước 4. Kết luận, nhận định

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ)	0,5
Nội dung	Trình bày suy nghĩ về một dữ liệu gây ấn tượng mạnh mẽ với bạn trong văn bản	
	Giới thiệu vấn đề	1

	Trình bày cụ thể về vấn đề xoay quanh một số gợi ý sau: + <i>Khái quát chung về những dữ liệu trong văn bản.</i> + <i>Dữ liệu nào khiến bạn ấn tượng nhất? Khái quát về dữ liệu đó trong văn bản.</i> + <i>Vì sao dữ liệu gây ấn tượng đối với bạn?</i>	6
	Khẳng định, khái quát vấn đề	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Đoạn văn tham khảo

Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục là một văn bản mang tính chất khảo cứu lịch sử, sử dụng nhiều dữ liệu thứ cấp, được trích dẫn từ những nguồn tư liệu quý hiếm và có giá trị. Trong đó, dữ liệu để lại ấn tượng mạnh mẽ nhất trong em là tác phẩm khuyết danh *Văn minh tân học sách (1941)*. Điều ấn tượng ở đây là dữ liệu đưa đến thông tin trường khuyến khích tinh thần sáng tạo khoa học của người học và quan trọng nhất là tinh thần tự do học thuật dựa trên tự học. Đây có thể coi là điểm tiên bộ vượt bậc của Đông Kinh Nghĩa Thục, đặc biệt trong bối cảnh thuộc địa lúc bấy giờ. Trong tình hình xã hội rối ren, đối diện với nhiều vấn đề về kinh tế, chính trị nhưng sự học lại theo “tinh thần mở”, điều này tạo điều kiện cho người học được mở mang kiến thức, tiếp xúc với nền giáo dục hiện đại, được thể hiện tinh thần tự do, dân chủ trong việc học. Điều đáng nói nữa là, đây là cương lĩnh giáo dục đi trước thời đại, thể hiện tầm nhìn rộng lớn vì nó vẫn còn phù hợp với sự học ngày nay. Học sinh ở thời đại nào cũng cần được sáng tạo, được trao đổi, bàn bạc thể hiện ý kiến của mình và ứng dụng được việc học vào công việc thực tế mà mình làm. Đúng như lời tác giả bài viết đã nhận xét, Đông Kinh Nghĩa Thục tuy tồn tại trong thời gian ngắn ngủi nhưng có sự ảnh hưởng sâu rộng đối với truyền thống giáo dục của Việt Nam nói riêng và đối với sự phát triển theo định hướng mới của xã hội Việt Nam nói chung.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Bày tỏ quan điểm suy nghĩ của bản thân

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV đọc câu hỏi: Từ những thông tin được cung cấp trong văn bản, bạn suy nghĩ như thế nào về giá trị giáo dục nói chung và giáo dục khai phóng nói riêng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + HS nghe yêu cầu và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu
- + Gv quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

Kĩ thuật Think – Pair – Share

B1: Think (Nghĩ): HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên ý tưởng của mình. B2: Pair (Bắt cặp): HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có. B3: Share (Chia sẻ): HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn hoặc chia sẻ trước lớp.	
---	---

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của các nhóm (có thể sử dụng thêm các hình ảnh nếu cần).
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

***Dự kiến sản phẩm: Có thể tham khảo một vài gợi ý sau:**

- Từ những thông tin được cung cấp trong văn bản, chúng ta thấy sự tác động của Đông Kinh Nghĩa Thục đến văn hóa, xã hội, chính trị Việt Nam:
 - + Giúp người học Việt Nam tiếp cận với những thành tựu cải cách giáo dục Đông-Tây.
 - + Thể hiện sự kháng cự của trí thức Việt Nam trước sự thống trị của chính quyền thực dân.
 - + Đáp ứng yêu cầu cấp thiết của thời đại, đặc biệt là vấn đề canh tân đất nước về mọi mặt để mưu cầu tiến bộ, bình đẳng, hợp tác và độc lập dân tộc
 - + Người học được mở rộng và hòa nhập hiệu quả thế giới hiện đại mà không bị cắt đứt khỏi căn rễ văn hóa của mình
- => Đông Kinh Nghĩa Thục là mô hình giáo dục tiến bộ không chỉ trong bối cảnh đất nước lúc bấy giờ mà còn cần được phát huy tới các thời đại sau.

- Từ những thông tin về ảnh hưởng, tác động của Đông Kinh Nghĩa Thục trên, em nhận thấy tác động, ảnh hưởng của giáo dục đến đời sống, văn hóa, xã hội:
- + Nâng cao dân trí ở mọi quốc gia, dân tộc: nâng cao trình độ nhận thức, học vấn, khoa học – kĩ thuật.
- + Cung cấp nguồn nhân lực
- + Bảo vệ thể chế chính trị
- + Gìn giữ văn hóa: Hội nhập quốc tế nhưng vẫn gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.
- Giáo dục khai phóng thể hiện sự tiến bộ, ưu việt và phù hợp với thời đại: Thể hiện nền giáo dục hiện đại, người đọc có nhiều cơ hội để phát triển bản thân về cả kiến thức và kĩ năng. Tuy nhiên, việc thực hiện giáo dục khai phóng phải được triển khai phù hợp với điều kiện của từng địa phương, từng quốc gia.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Tìm đọc các văn bản khác về giáo dục, giáo dục khai phóng.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 3. *Đời muối* (Mác Kơ-len-xki)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung module được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 85.VB 3:

ĐỜI MUỐI

(Trích Đời muối: Lịch sử thế giới)

- Mác Kơ-len-xki (Mark Kurlansky) -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực :

*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

*Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ* (đọc – viết – nói và nghe); *năng lực văn học*.

HS biết đọc hiểu văn bản thông tin:

- Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã có từ việc đọc văn bản 1 và văn bản 2 để thực hành phân tích được thông tin cơ bản của văn bản *Đời muối*, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết, chỉ ra được bố cục và mạch lạc của văn bản.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp; phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản *Đời muối*.
- So sánh, đánh giá hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để viết một đoạn văn liên quan đến nguyên nhân của các cuộc chiến tranh và đọc hiểu một văn bản thông tin mới.

2 . Phẩm chất

- Trân trọng lịch sử; có cái nhìn đa chiều, sâu sắc về lịch sử

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi)

2. Học liệu:

- SGK, tài liệu tham khảo
- Tư liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.
- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

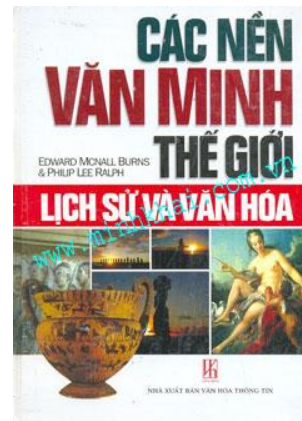
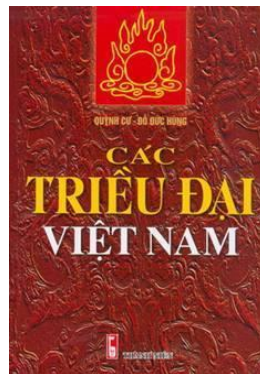
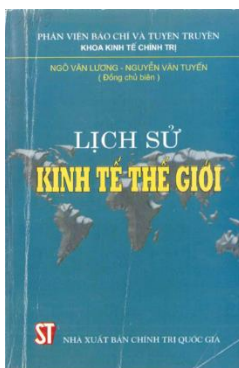
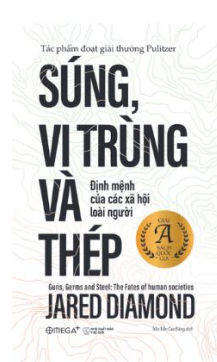
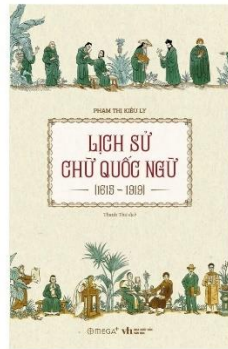
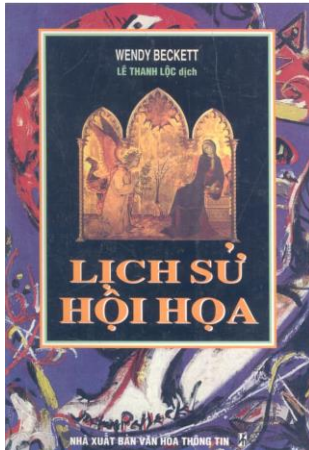
b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS quan sát hình ảnh một số bìa cuốn sách sau:



- Trên đây là bìa của một số cuốn sách về lịch sử. Dựa vào những hình ảnh trên và kiến thức của mình. Theo bạn, chúng ta có thể tiếp cận lịch sử bằng những cách nào?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi.
- GV quan sát, khích lệ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi một số HS phát biểu.

=> **Dự kiến sản phẩm:** Chúng ta có thể tiếp cận lịch sử bằng nhiều cách khác nhau: qua các cuộc chiến tranh, qua sự biến đổi và tiếp nối của các triều đại, các cuộc cách mạng, tiến trình phát triển kinh tế, qua hội họa, chữ viết, các nền văn minh,...

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV dẫn dắt vào bài: Tiến trình lịch sử nhân loại là những trang sách nối dài có điểm bắt đầu nhưng chưa có điểm kết thúc. Để góp phần tạo nên những trang sách đó, mỗi yếu tố trong nhân loại này đều đóng góp những vai trò nhất định. Ngoài những yếu tố kể đến ở trên thì muối – một nhân tố nhỏ bé nhưng lại chứa đựng trong mình những kiến thức kì diệu, thú vị về lịch sử. Để hiểu rõ hơn về điều này, cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay: *Đời muối* (trích *Đời muối: Lịch sử thế giới*) của tác giả Mác Kơ-len-xki.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản

- a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết được những nét chung về tác giả, văn bản
- b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kỹ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về văn bản.
- d. Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
2.1. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản. 2.1.1 Đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc to, rõ ràng, cảm nhận giọng điệu kể chuyện chậm rãi, thông dong của tác giả trong văn bản. - Gọi một vài HS đọc một số đoạn quan trọng. - Lưu ý: HS cần kết hợp đọc với làm theo hướng dẫn trong thẻ bên phải tuyển sách và chú ý phân chú thích để hiểu rõ thêm về văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS đọc văn bản Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức 2.1.2 Đọc, xác định bố cục và chủ đề chính Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: HS suy nghĩ cá nhân và trả lời các câu hỏi:	I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả Mác Kơ-len-xki - Sinh năm 1948. - Là nhà báo và nhà văn người Mỹ. - Tác phẩm tiêu biểu: <i>Khi loài cá biến mất</i> (1997), <i>Đời muối: Lịch sử thế giới</i> (2002), <i>Giấy: Lật giở từng trang sử</i> (2016), <i>Cá hồi và trái đất: Lịch sử của một số phận bình thường</i> (2020),... - Thông qua việc khảo sát lịch sử những vật dụng thường nhật hay các mặt hàng quan trọng, phổ biến, các cuốn sách của ông mang lại một góc nhìn thú vị và mới mẻ về lịch sử loài người. 2. Văn bản a. Xuất xứ: được trích trong cuốn <i>Đời muối: Lịch sử thế giới</i>, cuốn sách khám phá hành trình của muối trong lịch sử nhân loại b. Chủ đề: Thông qua hành trình của muối, tác giả thể hiện góc nhìn và quan điểm thú vị về lịch sử nhân loại. c. Bố cục: 3 phần - Phần 1 (Từ đầu đến “và dĩ nhiên ngành độc quyền nhà nước đầu tiên”):

- Nêu xuất xứ của văn bản. - Xác định chủ đề chính, bố cục của văn bản. Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lướt SGK, suy nghĩ, tìm câu trả lời. - GV gọi 01 HS trình bày, gọi 01 HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở.	Lịch sử nhân loại trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống. - Phần 2 (Tiếp đến “<i>giống như nhiều loại hàng hóa khác</i>”): Lịch sử nhân loại sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống. - Phần 3 (còn lại): Lập trường, quan điểm của tác giả về muối.
--	---

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản *Đời muối*, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết, chỉ ra được bố cục và mạch lạc của văn bản.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp; phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản *Đời muối*.
- So sánh, đánh giá hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị trước tiết học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

PHT 01: TÌM HIỂU THÔNG TIN, DỮ LIỆU CỦA VĂN BẢN HS đọc lại VB và hoàn thành sơ đồ tóm lược tiến trình lịch sử của nhân loại dựa trên vai trò của muối đối với đời sống con người:

Lịch sử nhân loại trước khi muối trở thành nhu cầu thiết yếu của đời sống

-
-

Lịch sử nhân loại sau khi muối trở thành nhu cầu thiết yếu của đời sống

-
-

=> Trong tiến trình lịch sử đó, theo tác giả, muối đóng vai trò gì?

PHT 02:

TÌM HIỂU VỀ LOẠI DỮ LIỆU VÀ CÁCH SẮP XẾP DỮ LIỆU TRONG VĂN BẢN THÔNG TIN

(1) Dữ liệu được tác giả sử dụng là dữ liệu sơ cấp hay thứ cấp? Bạn cảm nhận như thế nào về mức độ chính xác, đáng tin cậy của dữ liệu?

(2) Phân tích và đánh giá cách trình bày dữ liệu của tác giả trong văn bản?

(Gợi ý: Tìm các thông tin về các sự kiện lịch sử nhân loại giai đoạn này và nhận xét chung về giai đoạn.) - Nhóm 3, 4: Hoàn thành PHT 01 – mục <i>Lịch sử nhân loại sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu</i> (Gợi ý: Tìm các thông tin về vai trò của muối trong lịch sử nhân loại giai đoạn này và nhận xét chung về giai đoạn.) Câu hỏi chung cho 4 nhóm: Trong tiến trình lịch sử được tóm lược như trên, theo tác giả, muối đóng vai trò gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành PHT theo yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 2 nhóm báo cáo. - Các nhóm còn lại nhận xét. Bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.	- Khoảng năm 11 000 trước Công nguyên, sau khi Kỉ Băng Hà kết thúc, con người kiểm soát được loài thú săn mồi hung dữ - loài sói A-xi-a-tích và biến nó thành một phụ tá đầy trung thành – loài chó; sau đó, kiểm soát được cừu và dê để chúng có thể trở thành một nguồn thức ăn mới. - Đến khoảng năm 8900 trước Công nguyên, cừu được thuần hóa. - Vào khoảng năm 8000 trước Công nguyên, gieo trồng hạt ngũ cốc hoang trên những cánh đồng. - Khoảng năm 7000 trước Công nguyên, chăn nuôi lợn. - Khoảng năm 6000 trước Công nguyên, thuần hóa những con bò rừng thành gia súc - Khi chế độ ăn của con người chủ yếu bao gồm ngũ cốc và rau quả, được bổ sung thêm thịt động vật thì việc buôn bán muối trở thành thiết yếu -> Muối trở thành một trong những mặt hàng thương mại quốc tế đầu tiên, sản xuất muối trở thành một trong những ngành công nghiệp đầu tiên. => Trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu, lịch sử nhân loại phát triển một cách chậm chạp, gắn với sự hình thành một cách dần dần của việc thuần hóa động vật hoang dã, trồng trọt và chăn nuôi. * Sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống: - Từ công cuộc tìm kiếm muối: chế tạo ra những cỗ máy kì quặc nhất cũng như những cỗ máy tinh xảo và khéo léo nhất. - Do nhu cầu về vận tải muối: nhiều công trình công cộng vĩ đại từng được tạo ra.
---	---

*Thao tác 3: Tìm hiểu loại dữ liệu và cách trình bày dữ liệu trong văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm bàn hoàn thành PHT 02 theo từng dãy: - Các nhóm bàn của dãy 1: Trả lời câu hỏi 1 của PHT 02. - Các nhóm bàn của dãy 2: Trả lời câu hỏi 2 của PHT 02. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm bàn thực hiện yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 - 2 nhóm báo cáo.	- Do mục đích thương mại trao đổi hàng hóa; những tuyến đường trọng yếu được lập nên. - Trong suốt chiều dài lịch sử loài người cho đến thế kỉ XX, muối được săn lùng, mua bán và tranh giành gắt gao. - Trong hàng thiên niên kỉ, muối là biểu tượng của sự giàu có. - Muối được dùng như một đơn vị tiền tệ. => Việc tìm kiếm, sản xuất, buôn bán muối đã thúc đẩy công nghiệp, thương mại, giao thông, địa chất học, hóa học phát triển, tạo nên những thay đổi lớn trong các thể chế chính trị,... => Từ cách tóm lược lịch sử này, tác giả đã khẳng định vai trò rất quan trọng của muối, cho rằng việc tìm kiếm, sản xuất, buôn bán muối là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nhân loại, tác động mạnh mẽ đến tất cả các phương diện của đời sống con người. b. Loại dữ liệu trong văn bản Văn bản sử dụng nhiều dữ liệu thứ cấp, trong đó: + Một số dữ liệu ghi rõ nguồn gốc, đảm bảo độ tin cậy thuyết phục: Trong chuyên luận năm 1776 về chủ nghĩa tư bản có tên <i>The Wealth of Nations</i>, A-đam Xmit đã chỉ ra rằng... + Rất nhiều dữ liệu không ghi rõ nguồn hoặc ghi nhưng chưa thật sự đầy đủ, điều này làm giảm đi tính khả tín của văn bản: ++ sự kiện Kỉ Băng Hà kết thúc vào khoảng năm 11 000 trước Công nguyên.
--	--

- Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức	++ sự kiện phụ nữ vùng Cận Đông bắt đầu gieo ngũ cốc vào khoảng năm 8000 trước công nguyên ++ Tuy nhiên, vào năm 1970, một đoàn thám hiểm của Đại học Ha-oai...báo cáo rằng...(thông tin nguồn chưa đầy đủ, chưa ghi rõ báo cáo đây trong tài liệu nào) ... c. Cách trình bày dữ liệu của tác giả trong văn bản - Các dữ liệu được sắp xếp theo trật tự thời gian, dưới dạng một câu chuyện: + Tác giả thường mở đầu các đoạn văn bằng việc miêu tả bối cảnh: “khi các dòng sông băng tan chảy”, “sau khi kỉ Băng Hà kết thúc”;... + Các nhân vật lần lượt hiện lên trong câu chuyện: “Trong khoảng thời gian này, sói A-xi-a-tích (Asiatic) [...] dần dần bị con người kiểm soát”; “những cánh đồng ngũ cốc hoang dã rộng lớn dần xuất hiện”;... + Các sự kiện cũng được sắp xếp theo chuỗi nhân quả, với những đoạn diễn tiến, thắt nút, mở nút, những tình tiết bất ngờ: “Và thế là, một kẻ thù nguy hiểm đã hóa thành một phụ tá trung thành và tận tâm – loài chó”. + Lời kể chậm rãi, như lời kể trong các câu chuyện thần thoại, truyền thuyết: “Khoảng năm 11 000 trước Công nguyên, sau khi Kỉ Băng Hà kết thúc, những tảng băng khổng lồ bao phủ phần lớn thế giới [...] bắt đầu thu hẹp lại và dần tan biến”; “Nhưng chẳng bao lâu sau, các bộ lạc sinh sống gần những cánh đồng này nhận ra rằng”;...
--	---

*Thao tác 4: Tìm hiểu góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoạt động cặp đôi, thảo luận trả lời câu hỏi: + Góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử có gì độc đáo so với những văn bản lịch sử mình đã học hoặc thường gặp. + Việc tiếp cận lịch sử dưới góc nhìn trên có ý nghĩa gì? Nêu ví dụ minh họa. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 - 2 cặp đôi báo cáo. - Các cặp đôi còn lại nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức *GV mở rộng: - Sự độc đáo trong góc nhìn và quan điểm của tác giả thể hiện ở chỗ: Các VB lịch sử thường ghi chép lại các sự kiện liên quan đến những bước ngoặt lớn của nhân loại: chiến tranh, cách mạng, phát triển địa lí, thành tựu khoa học,...đây được coi là những dấu mốc quan trọng để phân kì lịch	=> Cách sắp xếp các dữ liệu lịch sử theo mô hình truyện kể này tạo nên sức hấp dẫn, sinh động cho văn bản, kích thích trí tưởng tượng của người đọc, khiến toàn bộ lịch sử nhân loại lần lượt hiện lên như trong một bộ phim, đồng thời cũng giúp người đọc dễ dàng nắm bắt và ghi nhớ những thông tin chính trong văn bản. 3. Góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử - Tác giả đã nhìn lịch sử nhân loại dựa trên lăng kính quy chiếu là lịch sử của muối – một yếu tố được coi là không có ý nghĩa, giá trị gì trong dòng chảy lịch sử của nhân loại -> đây là một góc nhìn độc đáo về lịch sử so với các văn bản lịch sử thông thường. - Khi quan sát lịch sử của nhân loại qua những thăng trầm trong số phận của muối, tác giả đã tạo ra một cách phân kì lịch sử khác, nhìn lịch sử nhân loại từ một góc độ khác, nhìn ra những quy luật khác của lịch sử và đặt ra.
---	--

sử. Còn trong VB, tác giả tiếp cận lịch sử nhân loại qua lịch sử của muối. - Ví dụ minh họa về việc tiếp cận lịch sử qua góc nhìn lịch sử của muối: Khi nhìn nguyên nhân của các cuộc chiến tranh, khởi nghĩa, cách mạng và sự hình thành các triều đại mới do sự tranh giành gắt gao muối -> tác giả nhận ra sự phù phiếm của chiến tranh, bạo lực, xung đột và chất vấn những hình thái chính trị đương đại, khi nhận ra cuộc tranh giành dầu mỏ của các quốc gia đương đại cũng vô nghĩa chẳng khác nào cuộc tranh giành muối trong lịch sử nhân loại.	
--	--

2.3. Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: Trong vòng một phút, hãy làm việc cặp đôi và ghi lại những nét đặc sắc nhất về nội dung; nghệ thuật của bài viết và trình bày trong 1 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện theo cặp đôi. Ghi lại những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận. - Đại diện cặp đôi trình bày trong 1 phút. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận	III. TỔNG KẾT 1. Về nội dung Thông qua hành trình lịch sử của muối, tác giả thể hiện một góc nhìn độc đáo về lịch sử nhân loại. Từ đó, cho thấy vai trò quan trọng, thiết yếu của muối đối với đời sống con người, cũng như đặt ra những chất vấn khác về các vấn đề khác của lịch sử. 2. Về nghệ thuật - Ngôn ngữ khoa học, chính xác: Văn bản sử dụng ngôn ngữ khoa học, chính xác để trình bày những kiến thức về lịch sử, địa lý, khảo cổ học.

GV nhận xét, chốt kiến thức.	- Các thông tin được sắp xếp theo một trình tự hợp lý, từ quá khứ đến hiện tại, từ khái quát đến chi tiết. - Cách kể chuyện hấp dẫn, lôi cuốn.
------------------------------	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS tham gia trả lời câu hỏi, củng cố kiến thức bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

Câu 1: Theo bạn, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua văn bản?

Câu 2: Nếu cần bổ sung phương tiện phi ngôn ngữ để tăng sức thuyết phục của văn bản, bạn sẽ bổ sung phương tiện nào? Lí giải về sự lựa chọn đó.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp.

Bước 3 – 4. GV mời 1 – 2 HS trả lời và GV kết luận.

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Văn bản gợi đến cho chúng ta một số thông điệp sau:

- Từ vai trò thiết yếu của muối – một sản phẩm nhỏ bé nhưng vô cùng thiết yếu của thể hệ trước để lại, chúng ta cần trân trọng những giá trị văn hóa và biết ơn những thế hệ đi trước đã tạo dựng cuộc sống tốt đẹp cho chúng ta.

- Truy cầu tiền tài vật chất đến lúc nào đó sẽ trở thành nỗi ám ảnh không có thực, chỉ có tình yêu là bền vững theo năm tháng, Vì vậy hãy trân trọng tình yêu thương – giá trị vững bền trong cuộc sống mỗi con người.

Câu 2: HS có thể lựa chọn bổ sung các phương tiện phi ngôn ngữ:

- Sơ đồ biểu thị tiến trình lịch sử của nhân loại theo trật tự thời gian.

- Hình ảnh cho các thông tin tiêu biểu về hành trình đời muối.

- Có thể sử dụng số liệu, đặc biệt trong các thông tin về vai trò, giá trị của muối. Ví dụ số liệu về công trình công cộng, tuyến đường quan trọng nhờ công cuộc tìm kiếm, trao đổi muối; số liệu cụ thể về số lương được trả bằng muối,...

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Bày tỏ quan điểm suy nghĩ của bản thân

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu: Thời nay, nhân loại không còn xung đột với nhau vì tranh giành muối, nhưng vẫn còn rất nhiều cuộc chiến tranh và xung đột xảy ra nhằm tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm, nguồn nước...Bạn nghĩ gì về vấn đề này? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc, cảm nhận, suy nghĩ để trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi từ 2-3 HS chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của bản thân

Bước 4. Kết luận, nhận định

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
Nội dung	Trình bày suy nghĩ của bản thân về cuộc chiến tranh và xung đột xảy ra nhằm tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm, nguồn nước...	
	Giới thiệu vấn đề	1
	Trình bày cụ thể về vấn đề, có thể tham khảo một vài gợi ý sau: + <i>Khái quát về những cuộc chiến tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm...(cuộc chiến giành quyền kiểm soát dầu mỏ trong thế chiến thứ 2 tại Nhật Bản; cuộc Mỹ khởi xướng chống I-rắc; tranh giành nguồn kim cương ở châu Phi; ... => Nguyên nhân của những cuộc chiến này là truy cầu tiền tài, vật chất)</i> + <i>Tác hại của những cuộc chiến tranh gây ra: Dân càng nghèo đói, khổ cực; thiệt hại về cơ sở vật chất, kinh tế, mạng người; mối quan hệ giữa các quốc gia căng thẳng gây ảnh hưởng đến hòa bình thế giới...</i> + <i>Quan điểm của bản thân bạn? (Tôn trọng hòa bình, tình yêu thương là giá trị đích thực, bền vững; truy cầu tiền tại vật chất chỉ như những ảo ảnh không có thực)</i>	6

	+ Bài học: Mỗi người trẻ cần góp phần vào nền hòa bình chung của thế giới bằng cách nhận thức đúng về tác hại của những cuộc chiến tranh, nhận thức đúng về quy luật của lịch sử và chung tay vào những hành động vì một thế giới hòa bình.	
	Khẳng định, khái quát vấn đề	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc các tác phẩm viết về lịch sử của Mác Kơ-len-xki
- Chuẩn bị: Văn bản thực hành đọc: *Sách thay đổi lịch sử loài người* (Vũ Đức Liêm)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung module được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

HS đọc ở nhà

SÁCH THAY ĐỔI LỊCH SỬ LOÀI NGƯỜI

- Vũ Đức Liêm -

1. Năng lực

*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao

tiếp và hợp tác,...

*Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ* (đọc – viết – nói và nghe); *năng lực văn học*.

HS biết đọc hiểu văn bản thông tin:

- Phân tích được đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản *Sách thay đổi loài người*.
- Nhận biết được bố cục và mạch lạc của văn bản.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.
- So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thể hiện quan điểm của bản thân về sách và đọc hiểu văn bản mới cùng thể loại.

2. Phẩm chất: HS có thái độ trân trọng đối với những di sản của quá khứ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị:

- Tivi có mạng internet, kết nối với máy tính của GV
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm và mẫu PHT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức cũ.
- Tạo hứng thú.
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.

b. Nội dung hoạt động: Cho HS xem video clip và đặt câu hỏi/trò chơi học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Cách 1: GV cho HS xem video clip về lợi ích của việc đọc sách: https://www.youtube.com/watch?v=ZHE82_KKmp0	Một số lợi ích của việc đọc sách: - Mở rộng kiến thức - Cải thiện trí nhớ - Mở rộng vốn từ - Giảm căng thẳng - Tăng khả năng sáng tạo...

và trả lời các câu hỏi: <i>Em rút ra được lợi ích gì của việc đọc sách sau khi xem video?</i> Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời Bước 4: Đánh giá, kết luận. GV cung cấp thêm cho HS một số lợi ích của việc đọc sách. Cách 2: Trò chơi “Ai nhanh hơn” Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Lớp chia thành 4 nhóm. Trong 3 phút, các nhóm sẽ liệt kê các lợi ích của việc đọc sách vào tờ A0. Sau 3 phút, nhóm nào liệt kê được nhiều lợi ích của việc đọc sách hơn sẽ giành chiến thắng. Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS thảo luận, ghi đáp án theo yêu cầu Bước 4: Đánh giá, kết luận. GV cung cấp thêm cho HS một số lợi ích của việc đọc sách.	
--	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được nét chung về tác giả, văn bản

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
2.1. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản. 2.1.1 Đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả Vũ Đức Liêm - Sinh năm 1986

GV nêu yêu cầu: - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc to, rõ ràng, chú ý đọc chính xác các mốc thời gian, sự kiện, trích dẫn. - Gọi một vài HS đọc một số đoạn quan trọng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS đọc văn bản Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức 2.1.2 Đọc, xác định bố cục và chủ đề chính Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: HS suy nghĩ cá nhân và trả lời các câu hỏi: - Nêu xuất xứ của văn bản. - Xác định chủ đề chính, bố cục của văn bản. Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lướt SGK, suy nghĩ, tìm câu trả lời. - GV gọi 01 HS trình bày, gọi 01 HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở.	- Quê ở tỉnh Thanh Hóa - Là tác giả của một số công trình nghiên cứu về lịch sử Việt Nam và Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến nay. 2. Văn bản a. Xuất xứ: in trong tạp chí <i>Tia sáng</i>, ngày 02/07/2021 b. Chủ đề chính: Văn bản kể về lịch sử và tầm quan trọng của sách trong sự tiến hóa của loài người. c. Bố cục: 3 phần: - Phần 1: Từ đầu đến “<i>dưới sự bảo trợ của người Pháp</i>”: Tầm quan trọng của sách đối với lịch sử, thời đại. - Phần 2: Tiếp đến “<i>câu chuyện tương lai</i>”: Mối quan hệ giữa sách và độc giả. - Phần 3: Ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử sách.
--	--

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản *Sách thay đổi lịch sử loài người*
- Nhận biết được bố cục và mạch lạc của văn bản.

- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.

- Phân tích được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị trước tiết học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

PHT 01: TÌM HIỂU THÔNG TIN, CHI TIẾT CỦA VĂN BẢN

Tìm các chi tiết làm rõ những thông tin cơ bản sau:

(1) Tầm quan trọng của sách đối với lịch sử loài người:

(2) Mối quan hệ giữa sách với độc giả:

(3) Ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử sách:

PHT 02: TÌM HIỂU QUAN ĐIỂM CỦA TÁC GIẢ VÀ NHỮNG DỮ LIỆU LỊCH SỬ LÀM SÁNG TỎ QUAN ĐIỂM

(1) Tác giả đã thể hiện quan điểm như thế nào về vai trò của sách đối với lịch sử loài người?

(2) Tìm những dữ liệu lịch sử được sử dụng trong văn bản để làm sáng tỏ quan điểm của tác giả nêu trên.

PHT 03: TÌM HIỂU THUẬT NGỮ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG VĂN BẢN

Nối thuật ngữ ở cột A với phần nghĩa được giải thích ở cột B sao cho phù hợp:

A	B
1. Thư tịch	a. Là lĩnh vực nghiên cứu liên ngành kết hợp công nghệ số với các ngành khoa học nhân văn như lịch sử, ngôn ngữ học, văn học, và nghệ thuật. Lĩnh vực này tập trung vào việc sử dụng công nghệ để lưu trữ, phân tích và truyền tải tri thức văn hóa.
2. Nhân văn số thức	b. Là một thư viện do nhà nước quản lý, giữ vai trò lưu trữ các tài liệu quan trọng của quốc gia và phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của công chúng.
3. Chủ nghĩa dân tộc	c. Là quyền pháp lý được cấp cho tác giả hoặc người sáng tạo tác phẩm, cho phép họ kiểm soát việc sao chép, phân phối và sử dụng tác phẩm của mình.
4. Bản quyền	d. Là hành động kiểm tra và điều chỉnh nội dung của các ấn phẩm, văn bản, hoặc phương tiện truyền thông để loại bỏ những phần không phù hợp hoặc bị cấm bởi một chính quyền, tổ chức, hoặc cơ quan kiểm duyệt.
5. Kiểm duyệt	e. Là tư tưởng chính trị nhấn mạnh đến quyền lợi của một dân tộc và sự trung thành đối với dân tộc đó, thường đi kèm với mong muốn độc lập chính trị và sự đoàn kết dân tộc.
6. Sách cấm	f. Là những cuốn sách bị cấm lưu hành hoặc đọc bởi một chính quyền hoặc tổ chức vì nội dung của chúng được coi là nguy hại hoặc phản động.

7. Samizdat literature	g. Là ngành khoa học chuyên nghiên cứu về các tài liệu, sách vở, bao gồm việc phân loại, sắp xếp và lập danh mục các ấn phẩm theo một hệ thống nhất định.
8. Thư mục học	h. Là các thư viện công cộng được tổ chức và vận hành theo những tiêu chuẩn nhất định về quản lý, sắp xếp và cung cấp dịch vụ cho công chúng.
9. Thư viện công chuẩn hóa	i. Là thuật ngữ tiếng Nga chỉ các ấn phẩm được in ấn và phân phối trái phép, thường là những tác phẩm bị kiểm duyệt hoặc cấm bởi chính quyền, đặc biệt phổ biến ở Liên Xô và các nước Đông Âu trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh.
10. Thư viện quốc gia	k. Là thuật ngữ chỉ các loại sách vở, tài liệu, văn kiện được viết bằng tay hoặc in ấn, được lưu trữ và sử dụng trong các hoạt động nghiên cứu, học tập, và văn hóa.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
*Thao tác 1: Tìm hiểu đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoạt động cặp đôi, trả lời những câu hỏi sau: (1) Xác định đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản. (2) Nêu ý nghĩa nhan đề văn bản. Chỉ ra mối liên hệ giữa nhan đề với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận cặp đôi, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 – 2 cặp đôi trả lời.	II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản - Đề tài: Tầm quan trọng của sách. - Thông tin cơ bản: Ảnh hưởng của sách đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; mối quan hệ của sách với độc giả và tương lai của sách. - Nhan đề: <i>Sách thay đổi lịch sử loài người</i> => Ý nghĩa nhan đề văn bản: <i>Sách thay đổi lịch sử loài người</i> được hiểu là sách có tác động rất lớn đến sự tiến hóa, định hình của xã hội loài người; sách có tác động đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Từ đó, sách góp phần thay đổi lịch sử chung của loài người => Nhan đề có liên quan chặt chẽ với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản. 2. Thông tin, dữ liệu trong văn bản a. Tầm quan trọng của sách đối với lịch sử loài người

- Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức *Thao tác 2: Tìm hiểu thông tin, dữ liệu trong văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoạt động nhóm, hoàn thành nhiệm vụ sau: - Nhóm 1, 2: Hoàn thành PHT 01. - Nhóm 3, 4: Hoàn thành PHT 02 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành PHT theo yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 2 nhóm báo cáo. - Các nhóm còn lại nhận xét. Bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.	- Sách đã góp phần tạo ra châu Âu hiện đại. - Sách có sự ảnh hưởng và tương tác trên nhiều lĩnh vực: in, báo, tạp chí, quảng cáo...tạo ra sự khuếch đại tri thức ở quy mô chưa từng có trong lịch sử, dẫn đến những vận động mạnh mẽ trong đời sống xã hội. - Sách đã góp phần định hình, thúc đẩy hay níu giữ sự tiến hóa của xã hội. - Sách không chỉ tạo ra và lan truyền một thế giới tri thức, xác lập hay hủy hoại trật tự xã hội, mà đôi khi còn là vật phẩm linh thiêng. - Sách còn phản ánh lịch sử xung đột và bạo lực nhìn từ thư tịch. - Chính nhu cầu quản lí sách sẽ tạo ra một loạt các thiết chế và lĩnh vực khoa học mới. b. Mỗi quan hệ giữa sách với độc giả - Sự gia tăng số lượng độc giả và sự phát triển của văn hóa đọc đã thay đổi hành vi đọc, thị hiếu đọc và cách thức sản xuất sách. - Quá trình toàn cầu hóa và hiện đại hóa sách đã tạo ra một cuộc cách mạng trong cách thức văn bản được tiếp cận và lưu trữ. c. Ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử sách - Việc nghiên cứu lịch sử sách có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phác thảo các mẫu hình tiến hóa của nhân loại. Thông qua việc mở rộng phạm vi tìm hiểu của lịch sử thư tịch...mở ra những hướng mới cho lĩnh vực nghiên cứu lịch sử, xã hội và lịch sử tri thức mà ở đó, sách là một thực hành của loài người. 3. Quan điểm của tác giả về vai trò của sách đối với lịch sử loài người a. Quan điểm của tác giả - Tác giả cho rằng sách đóng vai trò vô cùng quan trọng trong lịch sử loài người:
---	---

	+ Sách không chỉ là phương tiện truyền tải tri thức mà còn là động lực thúc đẩy sự tiến hóa của xã hội. + Sách không chỉ phản ánh những biến đổi về mặt tri thức, tư tưởng mà còn tham gia vào việc định hình và dẫn dắt các diễn ngôn xã hội, chính trị, tôn giáo, và văn hóa. + Tác giả nhấn mạnh rằng sách có sức mạnh ảnh hưởng sâu sắc đến mọi khía cạnh của cuộc sống con người, từ sự phát triển của các nền văn minh cho đến các cuộc cách mạng xã hội và khoa học. b. Những dữ liệu lịch sử được sử dụng để làm sáng tỏ quan điểm của tác giả - Tác giả dẫn chứng về việc sách đã góp phần tạo ra và định hình các xã hội hiện đại ở châu Âu, từ tri thức, tôn giáo, giáo dục đến việc hình thành các quốc gia hiện đại như Pháp, Anh, và Đức. - Sự bùng nổ của văn hóa in ấn cuối thế kỷ XVIII và sự phát triển của báo chí, tạp chí cũng là một yếu tố quan trọng trong việc định hình không gian công cộng hiện đại và sự ra đời của chủ nghĩa dân tộc. - Ở Đông Á, sự phổ biến của tân văn, tân thư vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã thúc đẩy các cuộc cách mạng xã hội và chính trị quan trọng. - Tác giả nêu ví dụ về sự ra đời của các tác phẩm quan trọng như "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", "Nguồn gốc các loài" và "Sự thịnh vượng của các quốc gia", những cuốn sách này không chỉ phản ánh mà còn thúc đẩy các cuộc cách mạng xã hội và chính trị. - Tác giả đề cập đến sự phát triển của các thiết chế như thư viện, câu lạc bộ sách, và các hội nhóm tranh biện, những nơi này không chỉ lưu giữ mà còn phổ biến tri thức.
--	--

*Thao tác 3: Tìm hiểu các thuật ngữ được sử dụng trong văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo cặp đôi hoàn thành PHT 03: Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 - 2 cặp đôi báo cáo. - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức * Đáp án: 1 – k; 2 – a; 3 – e; 4 – c; 5 – d; 6 – f; 7 – i; 8 – g; 9 – h; 10 – b.	- Sự ra đời của các ngành khoa học quản lý sách như thư mục học, và việc thành lập các thư viện công chuẩn hóa ở châu Âu thế kỷ XIX là minh chứng cho sự quan trọng của sách trong việc quản lý và tổ chức tri thức. ... 3. Các thuật ngữ được sử dụng trong văn bản - Thư tịch: Là thuật ngữ chỉ các loại sách vở, tài liệu, văn kiện được viết bằng tay hoặc in ấn, được lưu trữ và sử dụng trong các hoạt động nghiên cứu, học tập, và văn hóa. - Nhân văn số thức: Là lĩnh vực nghiên cứu liên ngành kết hợp công nghệ số với các ngành khoa học nhân văn như lịch sử, ngôn ngữ học, văn học, và nghệ thuật. Lĩnh vực này tập trung vào việc sử dụng công nghệ để lưu trữ, phân tích và truyền tải tri thức văn hóa. - Chủ nghĩa dân tộc: Là tư tưởng chính trị nhấn mạnh đến quyền lợi của một dân tộc và sự trung thành đối với dân tộc đó, thường đi kèm với mong muốn độc lập chính trị và sự đoàn kết dân tộc. - Bản quyền: Là quyền pháp lý được cấp cho tác giả hoặc người sáng tạo tác phẩm, cho phép họ kiểm soát việc sao chép, phân phối và sử dụng tác phẩm của mình. - Kiểm duyệt: Là hành động kiểm tra và điều chỉnh nội dung của các ấn phẩm, văn bản, hoặc phương tiện truyền thông để loại bỏ những phần không phù hợp hoặc bị cấm bởi một chính quyền, tổ chức, hoặc cơ quan kiểm duyệt. - Sách cấm: Là những cuốn sách bị cấm lưu hành hoặc đọc bởi một chính quyền hoặc tổ chức vì nội dung của chúng được coi là nguy hại hoặc phản động.
---	---

	- Samizdat literature: Là thuật ngữ tiếng Nga chỉ các ấn phẩm được in ẩn và phân phối trái phép, thường là những tác phẩm bị kiểm duyệt hoặc cấm bởi chính quyền, đặc biệt phổ biến ở Liên Xô và các nước Đông Âu trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. - Thư mục học: Là ngành khoa học chuyên nghiên cứu về các tài liệu, sách vở, bao gồm việc phân loại, sắp xếp và lập danh mục các ấn phẩm theo một hệ thống nhất định. - Thư viện công chuẩn hóa: Là các thư viện công cộng được tổ chức và vận hành theo những tiêu chuẩn nhất định về quản lý, sắp xếp và cung cấp dịch vụ cho công chúng. - Thư viện quốc gia: Là một thư viện do nhà nước quản lý, giữ vai trò lưu trữ các tài liệu quan trọng của quốc gia và phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của công chúng.
--	---

2.3. Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: Trong vòng một phút, hãy làm việc cặp đôi và ghi lại những nét đặc sắc nhất về nội dung; nghệ thuật của bài viết và trình bày trong 1 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện theo cặp đôi. Ghi lại những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).	III. TỔNG KẾT 1. Về nội dung Văn bản cung cấp thông tin về tầm quan trọng của sách đối với lịch sử loài người. Từ đó, giúp người đọc có ý thức hơn về việc đọc sách. 2. Về nghệ thuật - Cung cấp nguồn dữ liệu lịch sử để tăng độ tin cậy, thuyết phục cho văn bản. - Ngôn ngữ khoa học, chính xác - Sử dụng nhiều thuật ngữ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận. - Đại diện cặp đôi trình bày trong 1 phút. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

* Nhiệm vụ 1:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS thực hiện củng cố qua hoạt động trang trí “Cây tri thức”

- GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm tự chuẩn bị trước ở nhà một sơ đồ tư duy hình cây xanh to gồm 3 nhánh và để trống (chưa ghi chữ lên sơ đồ).
- GV chuẩn bị các phiếu dán hình cành cây, chiếc là chứa thông tin về các kiến thức cơ bản của văn bản và yêu cầu HS dán vào sơ đồ của nhóm mình để hoàn thành “Cây tri thức” trong 5 phút. HS có thể chuẩn bị màu để trang trí thêm vào cây xanh của nhóm mình.
- Nhóm nào hoàn thiện sơ đồ đúng, khoa học và đẹp sẽ giành được điểm tốt.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của GV

Bước 3: GV và HS theo dõi kết quả đạt được của 4 nhóm.

Bước 4. GV công bố kết quả và chuẩn hoá kiến thức.

* Nhiệm vụ 2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Theo em, để tích lũy tri thức qua việc đọc sách, ta có cần lưu ý đến tốc độ đọc và số lượng sách đọc không? Vì sao?

HS suy nghĩ cá nhân.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của GV

Bước 3: Báo cáo kết quả

Dự kiến trả lời: Bên cạnh việc đọc sâu, đọc kĩ, người đọc sách cần trang bị những kĩ năng đọc nhanh, đọc lướt, xác định mục tiêu đọc và có cách đọc phù hợp (đọc để nắm bắt thông tin khác với đọc để nghiên cứu, hay đọc để giải trí khác với đọc để nghiên cứu,...). Ngoài ra còn cần không gian đọc phù hợp, kĩ năng ghi chép thông tin khi đọc,...

Bước 4. GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Bày tỏ quan điểm suy nghĩ của bản thân

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm của HS
NV1: Kỹ thuật viết tích cực Bước 1: GV giao nhiệm vụ: <u>Kỹ thuật “Viết tích cực”</u>, kỹ thuật công nào. Đề bài: Hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ chia sẻ về một cuốn sách mà em tâm đắc Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và làm việc độc lập Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm học tập. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).	NV1: Viết kết nối: Hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ chia sẻ về một cuốn sách mà em tâm đắc. * Nội dung đoạn văn: Chia sẻ về một cuốn sách mà em tâm đắc. + <i>Vì sao em lại chọn cuốn sách đó?</i> + <i>Sau khi đọc, em đã tiếp thu được điều gì từ cuốn sách</i> + <i>Liên hệ những tri thức trong cuốn sách với bản thân em.</i> * Hình thức đoạn văn: Đảm bảo hình thức đoạn văn, tránh sai sót về chính tả, ngữ pháp.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
Nội dung	Chia sẻ về một cuốn sách mà mình tâm đắc	
	Giới thiệu vấn đề	1
	Trình bày cụ thể về vấn đề xoay quanh một số gợi ý sau: + <i>Vì sao em lại chọn cuốn sách đó?</i>	6

	+ Sau khi đọc, em đã tiếp thu được điều gì từ cuốn sách + Liên hệ những tri thức trong cuốn sách với bản thân em.	
	Khẳng định, khái quát vấn đề	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Tìm đọc các văn bản khác về lịch sử nhân loại.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành Tiếng Việt: *Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung module được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết:..87

TÔN TRỌNG VÀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **thực hành Tiếng Việt, giúp HS:**

- HS phân tích được bản chất của quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là quyền tác giả và tầm quan trọng của việc tôn trọng, bảo vệ quyền tác giả.

- HS trình bày được một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền tác giả và biết vận dụng vào học tập, nghiên cứu để tránh đạo văn.

2. Phẩm chất: Có ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS nghe hát, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS xem video về các vụ án xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nổi bật nhất ở Việt Nam: https://www.youtube.com/watch?v=j_fDPo6ZXwg GV đặt câu hỏi: Video nói về vấn đề gì? Em rút ra được bài học sau khi xem video clip? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, sắp xếp theo yêu cầu. Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -2 HS trả lời	- Video clip nói về những vụ án xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nổi bật nhất ở Việt Nam. Qua đó, chúng ta thấy được tầm quan trọng của quyền sở hữu trí tuệ. - Bài học cần hiểu rõ về quyền sở hữu trí tuệ để bảo vệ quyền lợi của bản thân và tránh xâm phạm đến những sản phẩm trí tuệ của người khác.

HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời. - GV dẫn vào bài: <i>Sở hữu trí tuệ ngày càng đóng vai trò hết sức quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong xu thế hội nhập sâu rộng và toàn diện như hiện nay. Thậm chí việc thực hiện nghiêm túc bảo hộ sở hữu trí tuệ được coi là điều kiện cần thiết, tối thiểu mỗi khi hợp tác với quốc gia khác hoặc hội nhập quốc tế. Không có điều khoản về bảo hộ sở hữu trí tuệ hoặc thực thi kém sẽ dẫn đến việc bị loại bỏ khỏi cuộc chơi trong hội nhập quốc tế. Vậy tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là gì? Có những quy định nào về tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ? Để trả lời những câu hỏi đó, cô trò chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay: Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.</i>	
--	--

1. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

2.1 Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

a. Mục tiêu: HS nhận biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

b. Nội dung: HS đọc sách sgk, thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS HĐ nhóm bàn: Đọc lại phần tri thức Ngữ văn (tr. 64; tr. 78, 79 - sgk và trả lời các câu hỏi sau: - Nêu khái niệm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, đạo văn? Lí do phải tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.	I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT 1. Một số khái niệm có liên quan đến tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ - Tôn trọng kết quả lao động sáng tạo của người khác và biết cách tiếp thu, kế thừa kết quả đó trong sản phẩm trí tuệ của mình theo đúng quy định và thông lệ quốc tế là yêu cầu bắt buộc trong học tập và nghiên cứu => Ý nghĩa: góp phần tạo nên những sản phẩm sáng tạo và bồi dưỡng cho người

- Nêu một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm bàn thành thành nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1 - 2 nhóm bàn trả lời. - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	học, người nghiên cứu tính trung thực, niềm say mê tìm tòi, khám phá cái mới. - Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng. - Quyền tác giả: là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. => Phạm vi bài học sẽ tập trung vào quyền tác giả. - Đạo văn có thể hiểu là chiếm hữu một cách sai trái, ăn cắp, công bố ngôn ngữ, suy nghĩ, ý tưởng, hay cách diễn đạt của người khác và xem chúng như là những gì do mình tự tạo ra. 2. Một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ - Có sự khác biệt đáng kể trong cách nhìn nhận về vấn đề ý tưởng, câu chữ của người đi trước ở những bối cảnh văn hóa khác nhau: + Trước khi văn học hiện đại hình thành, việc người viết đưa một ý văn, ý thơ hoặc một tác phẩm văn học khác vào sáng tác của mình được chấp nhận rộng rãi. + Ngày nay, tất cả những gì được kế thừa của người khác, từ ý tưởng, thông tin đến cách diễn đạt đặc thù, có tính cá biệt, đều phải được dẫn nguồn. + Tuy nhiên, có những tri thức phổ quát, được mặc định là tài sản chung của cộng đồng hay nhân loại thì khi dùng không cần phải chú nguồn. Ví dụ: <i>Trái Đất quay xung quanh mặt trời; Văn học là nghệ thuật của ngôn từ, ...</i> - Khi trích dẫn trực tiếp và đặt phần trích dẫn trong ngoặc kép, cần dẫn đúng nguyên văn kể cả khi có những ý tưởng, thông tin, cách diễn đạt trong văn bản gốc bị coi là sai. Người viết có thể dùng cước chú để thuyết minh về ý tưởng, thông
--	--

	tin, cách diễn đạt bị coi là sai đó hoặc dùng kí hiệu [sic], một từ trong tiếng La-tinh có nghĩa là “nguyên văn như vậy”. Nếu có phần nào đó bị cắt thì cần đánh dấu chỗ bị cắt bằng kí hiệu [...]. - Ngoài trích dẫn trong phần chính của văn bản, việc sử dụng kết quả lao động sáng tạo của người khác có thể được thể hiện qua cước chú. Với một số kiểu văn bản như báo cáo nghiên cứu, bài đăng ở tạp chí chuyên ngành, luận văn, luận án, sách chuyên khảo,... còn có phần <i>Tài liệu tham khảo</i>, thường được đặt sau văn bản, liệt kê các công trình mà người viết tham khảo với đầy đủ thông tin về tác giả, tên công trình, nhà xuất bản, năm xuất bản.
--	---

2.2 Thực hành, luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được cách trích dẫn đúng để tránh đạo văn.
- HS nêu được quan điểm của mình về vấn đề đạo văn nói riêng và việc tôn trọng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói chung.

b. Nội dung: HS làm BT.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* NV1: Thực hiện BT1, 2, 3 (tr. 78 – 79, sgk) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 3 nhóm, đại diện nhóm lên bốc thăm phần việc (tương ứng với 3 bài tập trong sgk): + Bài tập 1 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr.78)	Bài tập 1. Gợi ý: + Nhiều truyện thơ Nôm của Việt Nam như <i>Phan Trần</i> (khuyết danh), <i>Hoa tiên</i> (Nguyễn Huy Tự), <i>Ngọc Triều Lê tân truyện</i> (Lý Văn Phúc), <i>Tì bà quốc âm tân truyện</i> (Kiều Oánh Mậu),... đều mượn cốt truyện từ văn học Trung Quốc. + <i>Truyện Kiều</i> (Nguyễn Du) mượn cốt truyện của <i>Kim Vân Kiều truyện</i> (Thanh Tâm Tài Nhân – Trung Quốc) + <i>Chinh phụ ngâm</i> của Đặng Trần Côn mượn ý của Vương Duy trong thơ Đường: “Hôm qua tiễn

+ Bài tập 2 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr. 78, 79) + Bài tập 3 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr.79) - GV lưu ý: + Các nhóm thảo luận phần việc đã bốc thăm được. + Sau 5 phút thảo luận, mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm hoàn thành thành nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm học tập - Các nhóm nhận xét, bổ sung để được ghi điểm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức kiến thức.	biệt Trường An, hôm nay đã đến Lạc Dương” để nói về việc người chinh phụ tiễn chồng ra chiến trường. Bài tập 2. Các dấu hiệu cho thấy người viết có ý định tuân thủ quy định về trích dẫn: + Sử dụng các dấu câu quen thuộc đánh dấu lời dẫn trực tiếp là dấu hai chấm và dấu ngoặc kép. Ngoài ra còn có dấu ngoặc vuông và dấu ba chấm trong ngoặc vuông đánh dấu phần bị lược đi trong đoạn trích. + Người viết còn ghi rõ nguồn đoạn trích dẫn: nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh đánh giá về Nguyễn Tuân. Bài tập 3. Có thể tham khảo đoạn dùng cách dẫn gián tiếp sau: a. Trong <i>Yêu và đồng cảm</i>, Phong Tử Khải cho rằng con người vốn là nghệ thuật, vốn giàu lòng đồng cảm. Khi lớn lên, họ bị dòng đời xô đẩy, dồn ép nên tấm lòng ấy mới bị cản trở hoặc hao mòn. Nếu những người trong hoàn cảnh đó vẫn giữ được lòng đồng cảm đáng quý thì họ chính là nghệ sĩ. b. Trong <i>Cộng đồng và cá thể</i>, Anh-xanh quan niệm rằng, mỗi cá thể đơn lẻ sáng tạo, có suy nghĩ và phân xét độc lập để tạo ra những giá trị mới cho xã hội và khiến xã hội phát triển lên cao. Nhưng một cá thể đơn lẻ sẽ không thể phát triển nếu như thiếu cộng đồng.
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức trong bài học để nêu quan điểm của mình về vấn đề đạo văn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr.79) Nêu quan điểm của bạn về vấn đề đạo văn. Tự nhận xét về việc bản thân sử dụng ý tưởng của người khác khi thực hiện các bài viết trong quá trình học tập.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân khoảng 10 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 nêu ý kiến trước lớp.
- Các HS khác phản biện hoặc nêu ý kiến.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá.

Dự kiến sản phẩm:

- Quan điểm về đạo văn:
 - + Đạo văn cũng là hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và vi phạm chuẩn mực đạo đức của mỗi người.
 - + Đạo văn có thể là lỗi vô tình do người viết thiếu hiểu biết về những quy định liên quan đến việc sử dụng ý tưởng, thông tin của người khác và có thể là lỗi cố ý
 - ⇒ Xét về phương diện đạo đức thì lỗi vô tình được coi là nhẹ hơn nhưng hậu quả thì đều như nhau.
 - + Việc đạo văn đều bị xử lý dù là nặng hay nhẹ tùy vào bộ luật sở hữu trí tuệ của từng quốc gia. Tuy nhiên, việc tôn trọng và bảo vệ quyền tác giả nói riêng và quyền sở hữu trí tuệ nói chung ngày càng cần được đề cao.
- Tự nhận xét về việc bản thân sử dụng ý tưởng của người khác khi thực hiện các bài viết trong quá trình học tập: Trước đây, do chưa có sự hiểu biết về việc sử dụng ý tưởng của người khác nên đã vô tình sử dụng ý tưởng đó chưa đúng quy định. Sau khi tìm hiểu và biết rõ về hành vi này, tôi đã có ý thức hơn trong việc sử dụng ý tưởng, thông tin của người khác.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung module đã được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

VIẾT

Tiết: ...88,89

VIẾT THƯ TRAO ĐỔI VỀ CÔNG VIỆC HOẶC MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **viết, giúp HS:**

- Nhận biết được yêu cầu, quy trình viết thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.
- Viết được thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

2. Phẩm chất: Có ý thức chia sẻ, trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, hộp giấy hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS đọc đoạn trích sau:

Rovaniemi, ngày 24 tháng 12 năm 2023

Gửi Ông Tổng giám đốc UPU năm 2174!

Lời đầu tiên, chúc ông Giáng sinh an lành và năm mới hạnh phúc! Tôi chưa hình dung hết ông là ai, nhưng tôi tin tưởng rằng, ông vẫn là người thuyền trưởng tài ba chèo lái con thuyền Bưu chính thế giới với sứ mệnh phục vụ tận tâm và bền bỉ các thể hệ người dân toàn cầu. Đó là lý do tôi viết lá thư này gửi tới ông.

Tôi là Pulattie, 72 tuổi, từng là giáo viên trung học tại Texas. Sau khi nghỉ hưu, tôi học tại Trường Charles W.Howard Santa Claus, trường đào tạo Ông già Noel. Hiện tôi làm việc tại Bưu điện ở ngôi làng Ông già Noel, Rovaniemi, Lapland, Phần Lan, nằm trong Vòng Bắc cực. Công việc của tôi bận rộn quanh năm, nhưng tôi rất hạnh phúc. Mỗi năm chúng tôi nhận hàng triệu bức thư của trẻ em khắp thế giới. Tôi đọc không sót bức nào, sau đó viết thư hồi âm và gửi những món quà từ các tổ chức từ thiện đến trẻ em dịp Noel. Tôi vừa là người nhận thư, vừa đưa thư trong vai Ông già Noel đã hơn 10 năm, và tôi cảm nhận ý nghĩa cuộc sống qua từng lá thư nhỏ.

Ông à, tôi chọn công việc này khi đọc bức thư của bé Virginia O'Hanlon, 8 tuổi ở Manhattan, New York gửi tờ The Sun năm 1897: "Xin hãy cho cháu biết sự thật: Có Ông già Noel không?". Biên tập viên Francis đã viết thư trả lời: "Virginia, ông già Noel có thực, cũng như tình yêu và lòng quảng đại luôn hiện diện quanh ta, nhờ đó cuộc sống của chúng ta được vui tươi, hạnh phúc. Nếu không có ông già Noel thì thế giới ảm đạm biết bao, cuộc sống sẽ chẳng có những tâm hồn trẻ thơ, chẳng có thi ca, lãng mạn. Con người chỉ là những cỗ máy khô khan. Ánh sáng niềm tin và hy vọng của trẻ em khắp thế giới cũng sẽ tiêu tan. Ông già Noel vẫn sẽ sống mãi. Hàng trăm nghìn năm sau, ông vẫn sẽ tiếp tục mang đến niềm vui và hạnh phúc cho những tâm hồn trẻ thơ khắp hành tinh này". Lá thư truyền cảm hứng cho tôi trở thành một Ông già Noel mang thông điệp hạnh phúc đi khắp thế giới.

[...] Tôi hình dung 150 năm tới, khi nhân loại dùng thư điện tử và nhiều phương tiện liên lạc hiện đại khác, thì tất cả các bưu cục toàn thế giới sẽ vẫn có

hòm thư tay miễn phí cho trẻ em, khi viết thư gửi Ông già Noel. Mỗi nước có một trụ sở nhận thư, gửi thư và quà như tại làng Ông già Noel này. Tôi ước ao sẽ có nhiều trường đào tạo Ông già Noel, để những người yêu trẻ học cách mang đến hạnh phúc cho trẻ. Đặc biệt nhất, để những lá thư, món quà mà trẻ em mong đợi đến đúng vào Giáng sinh trên toàn thế giới, tôi mơ về một hình thức chuyển thư, quà tự động được lập trình sẵn nhưng cũng rất lãng mạn: một cỗ xe tuần lộc đưa Ông già Noel bay trong không trung, sáng rực rỡ trong đêm, và những món quà sẽ được Ông trao tận tay cho từng đứa trẻ trong tiếng cười reo, tiếng cảm ơn lưu lo của con trẻ.

Ông Tổng giám đốc UPU năm 2174 yêu mến, giấc mơ của tôi chắc chắn sẽ thành hiện thực, vì tôi tin ông sẽ làm được, và cũng tin rằng dù thế giới có phát triển như thế nào thì “Ông già Noel vẫn sẽ sống mãi, vẫn tiếp tục mang niềm vui và hạnh phúc cho những tâm hồn trẻ thơ trên khắp hành tinh này”!

Có người đã từng nói: “Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực mà là nơi thiếu vắng tình yêu thương”. Bắc Cực không lạnh khi có ngôi làng của sự kết nối đầy ấm êm và thương mến như vậy!

Mong lá thư sẽ đến được với ông và giấc mơ hạnh phúc của trẻ thơ sẽ thành hiện thực. Gửi đến ông một cái ôm ấm áp!

Ông già Noel ở Rovaniemi

Pulattie

- Đoạn trích trên được trích trong bức thư đạt giải nhất cuộc thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 53 (2024) của em Nguyễn Đỗ Quang Minh (lớp 9 trường THCS -THTP Nguyễn Khuyến, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng). Sau khi đọc bức thư, bạn hãy trả lời câu hỏi sau: Bức thư trên viết về điều gì? Nhận xét về hình thức của một bức thư?

Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo

- HS đọc, suy nghĩ, trả lời cá nhân
- HS khác nhận xét, bổ sung

Dự kiến sản phẩm:

- Bức thư viết về vấn đề: trẻ em thiếu tình thương và khao khát có nơi để gửi gắm tình thương.
- Hình thức một bức thư: Địa chỉ và thời gian viết thư, người nhận thư, lời thăm hỏi sức khỏe, lí do viết thư; nêu và trình bày vấn đề cần trao đổi; chia sẻ mong muốn của người viết; người nhận thư.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào bài mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu: HS hiểu được yêu cầu của kiểu bài viết thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

b. Nội dung hoạt động: HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân - GV giao nhiệm vụ: Đọc mục <i>Tri thức Ngữ văn</i> trong sgk, tr. 64; mục <i>Yêu cầu</i> trong sgk, tr.80, kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, trả lời câu hỏi: Thư từ là gì? Bài viết thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm cần đảm bảo những yêu cầu gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân, trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 1 -2 HS trả lời, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	I. Tri thức về kiểu bài viết 1. Khái niệm Thư từ (nói chung) là hình thức VB đặc biệt, có đối tượng tiếp nhận cụ thể theo các mức độ khác nhau, được dùng với nhiều mục đích khác nhau: bày tỏ tình cảm, chia sẻ trải nghiệm, cung cấp thông tin, thuyết phục hay thể hiện sự đồng tình của người đọc về vấn đề... 2. Yêu cầu - Xác định rõ đối tượng nhận thư (cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức). - Thể hiện rõ mục đích viết thư và vấn đề chính được trình bày, trao đổi, bàn luận trong thư. - Trình bày tường minh, mạch lạc các thông tin (nếu mục đích chủ yếu là cung cấp thông tin) hoặc triển khai các nội dung phù hợp để khẳng định một quan niệm hay sự cần thiết phải tiến hành công việc hay hoạt động (nếu mục đích chủ yếu là thuyết phục). - Sử dụng ngôn ngữ (gồm cả từ ngữ xưng hô) phù hợp với mục đích viết thư với mục đích viết thư và người nhận. - Sử dụng yếu tố hỗ trợ để đạt được mục đích viết một cách hiệu quả.

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS phân tích được các yêu cầu của bài viết tham khảo.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi HS đọc bài viết tham khảo theo các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản. - HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau: 1. Giữa người viết thư và người nhận thư có mối quan hệ gì? Quan hệ đó thể hiện như thế nào qua ngôn ngữ được dùng trong thư? Người nhận thư có đặc điểm gì đáng chú ý? 2. Bức thư này được viết nhằm mục đích gì? Thư trao đổi, bàn luận về vấn đề gì? 3. Phần mở đầu thư có gì đáng chú ý? Nội dung tiếp theo của bức thư triển khai theo trình tự nào? Trình tự đó có liên quan như thế nào với mục đích viết thư? 4. Người viết dùng những yếu tố hỗ trợ nào để thuyết phục người đọc về vấn đề được bàn đến trong thư?	II. Phân tích bài viết tham khảo Đọc bài viết tham khảo (sgk, tr.80, 81, 82, 83) và thực hiện các yêu cầu: (1) - Người viết thư và người nhận thư là chị em ruột trong cùng một nhà. – Ngôn ngữ thể hiện: <i>Ma-két-ta yêu quý; Em có khoẻ không?; Lâu lắm rồi em không về Phri-đéc thăm nhà; Kể cho chị nghe về Luân Đôn; ...</i> - Người nhận đang đi học ở Luân Đôn, một nơi xa nhà; lâu rồi chưa về thăm nhà. (2) Mục đích viết thư là để trao đổi, bàn luận về sự việc: Tình trạng bất công với những người lao động ở châu Phi. 3. - Phần mở đầu thư bằng cách hỏi thăm về sức khoẻ, công việc đầy thân mật. Sau đó, nêu sự việc bằng cách gây tò mò cho người đọc: sự việc đúc kết một kinh nghiệm: “trông người mà nghĩ đến ta”. - Các sự việc tiếp theo được trình bày theo trình tự thời gian, liên quan đến câu chuyện mà người chị kể. Mở đầu là câu chuyện về thanh sô-cô-la người chị được người em tặng. Từ khẩu hiệu quảng cáo trên thanh sô-cô-la, người chị trao đổi về vấn đề tình trạng bất công với những người lao động ở châu Phi. Tiếp theo, người viết khẳng định quan điểm của mình, chia sẻ, tình cảm, cảm xúc và thuyết phục người nhận thư đồng tình với quan điểm của mình. => Trình tự này có liên quan chặt chẽ đến mục đích viết thư.

5. Qua bức thư tham khảo, em rút ra được kinh nghiệm gì khi viết thư? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nối tiếp nhau đọc văn bản. - Thảo luận cặp đôi 5 câu hỏi SGK khoảng 5 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.	4. Yếu tố hỗ trợ để thuyết phục người đọc: tự sự, biểu cảm. Những yếu tố này làm cho bức thư thêm lôi cuốn, hấp dẫn và thuyết phục người đọc về vấn đề đặt ra. 5. Kinh nghiệm của HS rút ra từ bức thư. - Xác định người nhận thư và mục đích viết thư. - Xác định vấn đề cần trao đổi, bàn luận. - Chọn trình tự viết thư hợp lý, thuyết phục. - Có thể sử dụng các yếu tố hỗ trợ như: tự sự, biểu cảm để làm bức thư thêm lôi cuốn, hấp dẫn, thuyết phục.
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết thư trao đổi về công việc hoặc vấn đề đáng quan tâm
- HS thực hành các bước để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
II. Thực hành viết 1. Các bước thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các	II. Thực hành viết 1. Các bước thực hành viết <table border="1"> <thead> <tr> <th>Các bước</th><th>Nội dung</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chuẩn bị viết</td><td> Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết: - Viết thư gửi người thân hoặc bạn bè để trao đổi, mong người nhận đồng tình với </td></tr> </tbody> </table>	Các bước	Nội dung	Chuẩn bị viết	Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết: - Viết thư gửi người thân hoặc bạn bè để trao đổi, mong người nhận đồng tình với
Các bước	Nội dung				
Chuẩn bị viết	Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết: - Viết thư gửi người thân hoặc bạn bè để trao đổi, mong người nhận đồng tình với				

yêu cầu trong bảng kiến thức sau:				mình về một vấn đề nào đó trong công việc, cuộc sống. - Gửi một nhà thơ, nhà văn chia sẻ điều bạn nghĩ về một vấn đề văn học. - Bạn cũng có thể viết thư gửi đến một công ti để xin tài trợ trang thiết bị học tập cho học sinh vùng khó khăn.			
Các bước		Nội dung		Tìm ý, lập dàn ý	Tìm ý	Trả lời câu hỏi:	
Chuẩn bị viết			- Người nhận thư là ai và có quan hệ như thế nào với người viết thư? Người nhận thư có những đặc điểm gì?				
Tìm ý, lập dàn ý	Tìm ý					- Thư trao đổi công việc hay vấn đề gì và nhằm mục đích gì?	
	Lập dàn ý	MB				- Nội dung của bức thư triển khai theo trình tự nào? Trình tự đó có liên quan như thế nào với mục đích viết thư?	
		TB				- Để phục vụ cho mục đích chủ yếu, người viết cần dùng những yếu tố hỗ trợ nào?	
	KB						
Viết			Lập dàn ý	MB	Nêu được công việc hay vấn đề cần trao đổi. Với một văn bản thư không đòi hỏi tính chất nghi thức, có thể bắt đầu bằng một vài ý thăm hỏi thân tình.		
Chỉnh sửa, hoàn thiện					TB	- Triển khai các nội dung phù hợp với mục đích viết thư. - Sử dụng các yếu tố hỗ trợ tùy thuộc vào tính chất của bức thư: thân mật hay trang trọng.	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ câu trả lời.

- HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

2. Thực hành viết

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu đề bài:

Một bộ phận giới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi

văn hóa ngoại lai dẫn đến việc xem nhẹ hoặc thậm chí nhận thức sai lệch về văn hóa truyền thống. Anh/Chị hãy viết một bức thư (khoảng 600 chữ) gửi cho một người bạn để trao đổi về vấn đề trên. - HS viết bài văn hoàn chỉnh Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc bài viết trước lớp - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric và dàn ý tham khảo.			KB	Nêu lại công việc hoặc vấn đề cần trao đổi dưới hình thức tóm tắt và thể hiện mong muốn được người nhận thư chia sẻ, đồng tình, ủng hộ.
	Viết	- Dựa vào dàn ý để triển khai bài viết. - Lưu ý: + Tùy vào mục đích viết thư và mối quan hệ giữa người viết và người nhận để sử dụng ngôn ngữ phù hợp. + VB thư cần thể hiện tâm huyết, sự chân thành và những suy nghĩ có chiều sâu của người viết.		
	Chỉnh sửa và hoàn thiện	Đọc kĩ bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa, hoàn thiện.		

2. Thực hành viết

Sản phẩm: Bài viết của HS

Bảng kiểm kĩ năng viết thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Phần mở bài	Nêu được công việc hay vấn đề cần trao đổi.		
Phần thân bài	Phần nội dung có nêu luận điểm đầy đủ, chặt chẽ của bài viết không?		
	Bức thư đủ ý. Các luận điểm, luận cứ phù hợp với vấn đề nghị luận nêu trong đề.		
	Các lí lẽ và bằng chứng sinh động, đặc sắc, giàu sức thuyết phục.		
	Phát biểu được những suy nghĩ và cảm xúc cá nhân sâu sắc.		

Phản kết bài	Nêu lại công việc hoặc vấn đề cần trao đổi dưới hình thức tóm tắt và thể hiện mong muốn được người nhận thư chia sẻ, đồng tình, ủng hộ.		
Kĩ năng, trình bày diễn đạt	Bài viết có đủ ba phần và nội dung (độ dài) các phần cân đối.		
	Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt và các thao tác nghị luận.		
	Đảm bảo chính tả, dùng từ và diễn đạt.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn để liên kết các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ.		

Phiếu đọc – nhận xét bài viết (đánh giá chéo theo cặp đôi)

Tiêu chí đánh giá	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Bố cục	Không đầy đủ.	Đủ 3 phần nhưng trình bày chưa rõ ràng.	Đầy đủ 3 phần, trình bày rõ ràng.
Lí lẽ, lập luận	Lí lẽ sơ sài, thiếu nhiều ý. Lập luận không thuyết phục.	Lí lẽ chưa được đầy đủ. Lập luận còn chưa thuyết phục ở một số chỗ.	Lí lẽ đầy đủ, lập luận thuyết phục.
Bằng chứng được trích dẫn	Chưa có bằng chứng.	Ít bằng chứng; Bằng chứng trích dẫn chưa chính xác.	Bằng chứng được trích dẫn chính xác, phong phú.
Màu sắc, cá tính, giọng văn	Chưa có giọng điệu riêng.	Có giọng điệu nhưng chưa độc đáo, rõ nét.	Độc đáo, có giọng điệu riêng.
Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt	Mắc nhiều lỗi.	Còn mắc một số lỗi.	Không mắc lỗi.
Ý kiến của người đánh giá			
Câu hỏi dành cho người viết (nếu có)			

DÀN Ý THAM KHẢO

ĐỀ BÀI

Một bộ phận giới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại lai dẫn đến việc xem nhẹ hoặc thậm chí nhận thức sai lệch về văn hóa truyền thống.

Anh/Chị hãy viết một bức thư (khoảng 600 chữ) gửi cho một người bạn để trao đổi về vấn đề trên.

DÀN Ý

1. Mở bài:

- Nêu địa điểm, thời gian, danh tính người nhận, lời chào mở đầu.
- Nêu rõ công việc hay vấn đề cần trao đổi: Ngày càng nhiều bạn trẻ chúng mình bị cuốn hút bởi văn hóa nước ngoài đến vậy; nhiều bạn chỉ thích nghe nhạc nước ngoài, xem phim nước ngoài, mặc quần áo theo phong cách Hàn Quốc, Nhật Bản...; không phủ nhận những giá trị tích cực mà văn hóa ngoại lai mang lại, nhưng cũng lo lắng rằng chúng ta đang dần quên đi những giá trị truyền thống của dân tộc mình. => Viết thư trao đổi với mong muốn được cùng chia sẻ những suy nghĩ về vấn đề này; cùng nhau tìm ra giải pháp để giữ gìn những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

2. Thân bài: Trình bày các vấn đề cần trao đổi:

- Nguyên nhân của việc một bộ phận giới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại lai dẫn đến việc xem nhẹ hoặc thậm chí nhận thức sai lệch về văn hóa truyền thống: Sự hấp dẫn của văn hóa ngoại lai (Sự mới lạ, hiện đại, sành điệu của văn hóa nước ngoài; Ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông, mạng xã hội.); sự thiếu hiểu biết về văn hóa truyền thống (Thiếu sự quan tâm, tìm hiểu về lịch sử, văn hóa dân tộc; ảnh hưởng của lối sống hiện đại, quá chú trọng vào việc học hành, công việc).
- Hiện tượng một bộ phận giới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại lai dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng: Làm mai một những giá trị truyền thống tốt đẹp; dễ bị đồng hóa, mất đi nét riêng của dân tộc; ảnh hưởng đến nhận thức của bản thân về dân tộc; dễ bị tác động bởi những tư tưởng tiêu cực từ bên ngoài.
- Đề xuất giải pháp: Tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật dân gian; xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thông về lịch sử, văn hóa; tìm hiểu về lịch sử, văn hóa dân tộc; bảo tồn và phát huy những sản phẩm văn hóa truyền thống...
- Nêu những ý kiến, quan điểm khác nhau xung quanh vấn đề:
 - + Việc tiếp thu những tinh hoa của văn hóa nhân loại là điều cần thiết để phát triển.
 - + Chúng ta có thể vừa tiếp thu tinh hoa của văn hóa nước ngoài vừa giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

3. Kết bài:

- Mong muốn người nhận thư chia sẻ về vấn đề sự ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai đến giới trẻ hiện nay.

- Lời chào tạm biệt, danh tính của người viết thư.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Viết được một bức thư trao đổi trong công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

Viết thư gửi đến một công ti để xin tài trợ trang thiết bị học tập cho học sinh vùng khó khăn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. HS thực hiện tại nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận. HS gửi sản phẩm lên Palet/ nhóm Zalo.

Bước 4: Kết luận, nhận định. GV đánh giá, chấm điểm.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.

- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Tranh biện về một vấn đề đời sống

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung module đã được tập huấn.

- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết:..90 NÓI VÀ NGHE

TRANH BIỆN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực. Giúp HS:

- Tranh biện về một vấn đề trong đời sống thể hiện được những ý kiến trái chiều.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để tổ chức một cuộc tranh biện trong lớp về chủ đề đáng quan tâm.

2. Phẩm chất:

- Thể hiện được thái độ cầu thị trong khi tranh biện.
- Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài tranh luận.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Xem video sau (từ 5.03 đến 7.07 và 7.28 đến 9.43)

<https://youtu.be/escLDAuEgS8>

và cho biết:

1. Hai đội tranh biện với nhau về điều gì?
2. Hai bên đã đưa ra lí lẽ thế nào để bảo vệ cho quan điểm của mình?
3. Em thích phần trình bày của đội nào hơn?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS trả lời, HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.

GV dẫn dắt vào bài: Trước một vấn đề trong cuộc sống thường có những ý kiến và quan điểm khác nhau. Làm thế nào để bảo vệ được quan điểm của mình khi tranh luận với người có quan điểm khác mình một cách thuyết phục? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời được câu hỏi ấy.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- a. Mục tiêu:** HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe.
- b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe.
- c. Sản phẩm:** Bài thảo luận đúng yêu cầu và quy trình.
- d. Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân - GV giao nhiệm vụ: Đọc mục <i>Yêu cầu</i> trong sgk, tr.85, kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, trả lời câu hỏi: - Bài nói và nghe với chủ đề tranh biện về một vấn đề đời sống cần đạt yêu cầu gì? - Nêu quy trình của bài nói và nghe? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện các yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.	1. Yêu cầu của bài nói và nghe - Nêu được rõ ràng quan điểm (tán thành hay phản đối về vấn đề tranh biện). - Đưa ra các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để bảo vệ quan điểm của nhóm mình, phản bác quan điểm của nhóm mình, phản bác quan điểm của nhóm đối lập. - Thể hiện được sự tương tác tích cực trong quá trình tranh biện; biết lắng nghe và tôn trọng người tranh biện với mình. - Có cử chỉ, điệu bộ và ngữ điệu linh hoạt, phù hợp; biết sử dụng hiệu quả phương tiện phi ngôn ngữ để tăng thêm tính thuyết phục. 2. Quy trình của bài nói và nghe Bước 1: Chuẩn bị tranh biện * Lựa chọn đề tài: Có thể tham khảo một số đề tài: - Cần cấm ô tô đi vào trung tâm thành phố. - Tình yêu học đường – nên hay không nên? - Nên chọn nghề theo nhu cầu của thị trường lao động. - Cần phát triển hình thức học và làm việc trực tuyến để thay thế dần hình thức học và làm việc truyền thống. - Nên hay không nên mang điện thoại di động đến lớp * Lập đội tham gia tranh biện - Một cuộc tranh biện thường có sự tham gia của 2 đội, thể hiện quan điểm trái ngược nhau. Mỗi đội có 2 – 3 thành viên. - Ngoài ra, cần có người điều hành và khán giả theo dõi, bình chọn. - Mỗi người được lựa chọn đội tranh biện mình muốn tham gia. * Nghiên cứu vấn đề đã lựa chọn và chuẩn bị ý kiến tranh biện

		điểm chính, dùng lí lẽ và bằng chứng để củng cố quan điểm ủng hộ.	lí, trình bày các luận điểm, dùng lí lẽ và bằng chứng để khẳng định lại quan điểm đối lập.
		Có thể có lượt hỏi – đáp từ hai phía để chất vấn và phản hồi các ý kiến.	
	Phiên thứ hai	Phản bác lại từng luận điểm của phía phản đối, phân tích sâu hơn quan điểm của đội mình, bổ sung lí lẽ và bằng chứng để tăng sức thuyết phục.	Bác bỏ từng luận điểm mà phía tán thành vừa nêu ra; khẳng định lại quan điểm phản đối của đội mình, củng cố quan điểm đó bằng lí lẽ sắc bén và bằng chứng thuyết phục.
		Có thể có lượt hỏi – đáp từ hai phía để chất vấn và phản hồi các ý kiến.	
	Phiên thứ ba	Tiếp tục phản bác ý kiến của phía phản đối, khẳng định tính đúng đắn của những luận điểm quan trọng đã bị bác bỏ; kết luận về vấn đề và khẳng định lại quan điểm của đội mình.	Tiếp tục phản bác ý kiến của phía tán thành; bảo vệ những luận điểm quan trọng đã bị bác bỏ; kết luận về vấn đề và khẳng định lại quan điểm của đội mình.

	- Phần kết thúc cuộc tranh biện, người điều hành tóm tắt các luận điểm chính về vấn đề tranh biện của phía tán thành và phía phản đối; tổ chức lấy ý kiến đánh giá, bình chọn của khán giả về các đội tranh biện, có thể có một đội được chỉ định làm “trọng tài”.
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS biết cách tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau.

b. Nội dung: HS trình bày bài tranh luận vấn đề đã chuẩn bị. HS khác lắng nghe, trao đổi.

c. Sản phẩm: Bài tranh luận, các câu hỏi, ý kiến nhận xét của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. Thao tác 1. Tìm hiểu các bước chuẩn bị và Tìm ý, lập dàn ý. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Trao đổi trong bàn, thực hiện các nhiệm vụ sau: (1) Nêu các bước tiến hành tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau. (2) Báo cáo kết quả thực hiện bước chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý.. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện các yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.	2. Thực hành Bài tập: Có ý kiến cho tác phẩm : “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” chỉ có ý nghĩa lịch sử với thời đại Nguyễn Đình Chiểu, lại có người cho rằng tác phẩm ấy còn mang tính thời sự với cuộc sống hôm nay. Nếu tán thành ý kiến thứ hai, em sẽ bảo vệ ý kiến ấy như thế nào? a. Bước 1. Chuẩn bị - Đọc và tìm hiểu kĩ vấn đề em sẽ tranh luận: đồng tình với ý kiến “tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc còn mang tính thời sự đối với cuộc sống hiện nay.” - Xem lại phần đọc hiểu bài <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i>; tìm hiểu ý nghĩa lịch sử và tính thời sự của một tác phẩm văn học. - Suy nghĩ về các lí lẽ, bằng chứng sẽ nêu lên (lí lẽ bảo vệ ý kiến em đồng tình và lí lẽ phản bác lại ý kiến trái ngược). b. Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý Xem lại dàn ý đã viết ở nhà và bổ sung các ý cho phù hợp với đối tượng, yêu cầu, thời gian, điều kiện trình bày báo cáo.

	DÀN Ý	
	Mở đầu	Khẳng định đồng tình với ý kiến: tác phẩm <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> không chỉ có giá trị lịch sử mà còn mang tính thời sự đối với cuộc sống hiện nay.
	Nội dung chính	- Nêu những lí lẽ để bảo vệ và làm rõ ý kiến: bài văn tế không chỉ có ý nghĩa lịch sử mà còn mang tính thời sự đối với cuộc sống hiện nay. - Nêu lí lẽ phản bác lại ý kiến cho rằng bài văn tế chỉ có ý nghĩa lịch sử
	Kết thúc	Khẳng định việc cần nhìn nhận đúng về các tác phẩm văn học trung đại nói chung và bài <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> nói riêng
2. Thao tác 2. Thực hiện các bước Nói và nghe; Kiểm tra và chỉnh sửa. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV: - Gọi 02 HS trình bày bài nói của mình. Các HS khác lắng nghe và nhận xét theo PHỤ LỤC 1 PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI - Gọi 1 số HS nhận xét nhận xét trước lớp về bài viết của bạn theo PHỤ LỤC 1 . Các HS khác lắng		
c. Bước 3. Nói và nghe		
Người nói		Người nghe
- Giới thiệu được vấn đề cần tranh luận. - Tóm lược những ý kiến khác nhau về vấn đề, trình bày ý kiến cá nhân, sử dụng lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho quan điểm của mình; trao đổi thảo luận với những người có ý kiến khác.		- Chú ý lắng nghe bài nói của bạn. - Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra quan điểm của mình để đối thoại với người nói. - Đặt câu hỏi để người nói trình bày, giải thích về những nội dung còn chưa rõ.

nghe phần nhận xét và đánh giá kết quả nghe của bạn theo PHỤ LỤC 2 - PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện các yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề. GV yêu cầu HS kiểm tra và chỉnh sửa theo yêu cầu của người nói, người nghe.	- Khái quát những điểm chung có thể thống nhất, nhấn mạnh tác dụng của cuộc tranh luận.	- Trao đổi với người nói về những điểm mà mình chưa đồng tình.				
	d. Bước 4. Kiểm tra và chỉnh sửa					
	<table><tr><th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr><tr><td> - Rút kinh nghiệm về bài tranh luận: + Nội dung tranh luận đã đầy đủ như trong dàn ý chưa? + Hình thức tranh luận có sáng tạo, phù hợp không? + Tác phong, thái độ tranh luận như thế nào? - Tự đánh giá: + Ưu điểm của bài tranh luận là gì? + Cần khắc phục những hạn chế nào? </td><td> - Kiểm tra kết quả nghe và ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì? - Có nêu được câu hỏi và ý kiến thảo luận, trao đổi với người thuyết trình không? - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài tranh luận. - Đánh giá: + Bài tranh luận của người nói có ưu điểm và hạn chế nào? + Nếu tranh luận, em sẽ điều chỉnh như thế nào? </td></tr></table>	Người nói	Người nghe	- Rút kinh nghiệm về bài tranh luận: + Nội dung tranh luận đã đầy đủ như trong dàn ý chưa? + Hình thức tranh luận có sáng tạo, phù hợp không? + Tác phong, thái độ tranh luận như thế nào? - Tự đánh giá: + Ưu điểm của bài tranh luận là gì? + Cần khắc phục những hạn chế nào?	- Kiểm tra kết quả nghe và ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì? - Có nêu được câu hỏi và ý kiến thảo luận, trao đổi với người thuyết trình không? - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài tranh luận. - Đánh giá: + Bài tranh luận của người nói có ưu điểm và hạn chế nào? + Nếu tranh luận, em sẽ điều chỉnh như thế nào?	
Người nói	Người nghe					
- Rút kinh nghiệm về bài tranh luận: + Nội dung tranh luận đã đầy đủ như trong dàn ý chưa? + Hình thức tranh luận có sáng tạo, phù hợp không? + Tác phong, thái độ tranh luận như thế nào? - Tự đánh giá: + Ưu điểm của bài tranh luận là gì? + Cần khắc phục những hạn chế nào?	- Kiểm tra kết quả nghe và ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì? - Có nêu được câu hỏi và ý kiến thảo luận, trao đổi với người thuyết trình không? - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài tranh luận. - Đánh giá: + Bài tranh luận của người nói có ưu điểm và hạn chế nào? + Nếu tranh luận, em sẽ điều chỉnh như thế nào?					

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

S T T	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
BÀI THUYẾT TRÌNH			
1	Bố cục ba phần: Mở đầu, nội dung chính, kết thúc.		
2	Phần nội dung chính đã làm rõ được vấn đề cần trình bày.		
QUÁ TRÌNH NÓI			
3	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
4	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		
5	ĐÁNH GIÁ CHUNG - Những thành công và hạn chế của bài tranh luận: - Hướng khắc phục, sửa chữa: 		

PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE			
1	Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói		
2	Tích cực ghi chép		
3	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói		
4	KIỂM TRA KẾT QUẢ NGHE		
	- Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
			
			

	- Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức tranh luận về một vấn đề có ý kiến trái chiều:
--	---

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết tranh luận về một vấn đề có ý kiến trái chiều.

b. Nội dung: Tranh luận về vấn đề **Tình yêu tuổi học đường – Nên hay không nên?**

c. Sản phẩm: Phần tranh biện của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành hai nhóm. Nhóm ủng hộ quan điểm **nên** và nhóm ủng hộ quan điểm **không nên**.

- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

Đưa ra những lí lẽ và dẫn chứng để bảo vệ quan điểm của mình về vấn đề: **Tình yêu tuổi học đường – Nên hay không nên?**

+ Hình thức: Tổ chức thành buổi tranh biện theo format “Truongteen” và quay video.

+ Đăng trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

+ Chấm điểm: Theo lượt chia sẻ, bình luận và yêu thích.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đăng trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Kết luận, nhận xét

GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Hoàn thiện các bài tập còn lại.

- Tự thực hành nói: Tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau (chủ đề tự chọn).

- **Chuẩn bị bài:** Củng cố, mở rộng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (Cả bài 8)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 4 nhóm thảo luận 4 câu hỏi (1, 2, 3, 4)

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Tổng hợp các thông tin về các VB đã học trong bài theo gợi ý sau:

Tên VB	Tên tác giả	Ý chính	Ý phụ	Chi tiết	Quan điểm, thái độ

Câu 2. Tìm đọc các văn bản khác trong hai cuốn sách *Nhiệt đới buồn* của Cờ lốt Lê-vi-Xtơ-rốt và *Đời muối: Lịch sử thế giới* của Mác Kơ-len-xki. Tóm tắt các thông tin mà bạn đã đọc.

Câu 3. Nêu một số trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ mà bạn biết. Bạn rút được kinh nghiệm gì từ những trường hợp đó?

Câu 4. Lập dàn ý cho một bức thư dự kiến viết nhằm một trong những mục đích sau:

- Kiến nghị gửi cho hiệu trưởng về tình trạng lãng phí điện trong trường học
- Kiến nghị gửi cho lãnh đạo địa phương về kế hoạch phát triển cây xanh ở nơi bạn sinh sống
- Trao đổi với một người có ảnh hưởng trong xã hội về vấn đề khởi nghiệp trong giới trẻ.

Câu 5. (HS tự tổ chức tranh biện) Tổ chức cuộc tranh biện trong nhóm hoặc trong lớp về một trong các chủ đề gợi ý sau:

- Có nên phát triển du lịch ở những khu vực bảo tồn thiên nhiên hoang dã?

- Học đại học có phải là con đường duy nhất sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông?

- Có nên thay thế các vật liệu tự nhiên bằng các vật liệu nhân tạo?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.

- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Tổng hợp các thông tin về các văn bản đã học trong bài theo gợi ý sau:

Tên VB	Tên tác giả	Ý chính	Ý phụ	Chi tiết	Quan điểm, thái độ
<i>Pa-ra-na</i>	Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt	- Số phận người Anh diêng trong lịch sử. - Cuộc sống người Giê dưới chế độ thực dân.	- Số phận người Anh diêng trong các giai đoạn: Trước thời kì thuộc địa, vài thế kỉ trước, 1914, sau đó. - Những chính sách và hoạt động của chính phủ và phản ứng của người bản xứ.	- Chi tiết người Giê bản địa từ khi bị người Châu Âu xâm lược, đã bị dồn đuổi, phải lẩn trốn, bị cưỡng bức định cư - Chi tiết về những tập tục cư trú, sinh hoạt, ăn uống, lao động... của người Giê bản xứ...	- Thái độ: + Nghiên cứu nghiêm cẩn, trách nhiệm, khách quan nhưng cũng đầy đồng cảm và thấu hiểu + Ngưỡng mộ đối với vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt và sự tinh tế của nền văn hoá bản địa - Quan điểm: khẳng định sự bình đẳng và đa dạng giữa các nền văn hoá và kêu gọi sự trở

					về, sống hài hoà với thiên nhiên, giữ gìn bản sắc dân tộc
<i>Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục</i>	Nguyễn Nam	Bối cảnh lịch sử, điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục Việt Nam và giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục	- Bối cảnh lịch sử: Những biến động chính trị, kinh tế, xã hội và quân sự ở khu vực Đông Á cuối TK XIX – đầu TKXX; chiến thắng của Nhật Bản trong chiến tranh Nga – Nhật (1905) - Điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục không phải từ trên xuống...; các bằng chứng để làm nổi bật nhận định	Chi tiết các biến động chính trị; Bắc – Trung – Nam bị phân cắt thành 3 kì... - Sách ĐKNT của Đào Trinh Nhất...	thái độ, lập trường của tác giả, qua nội dung các nhận định, đánh giá thể hiện sự đề cao vị trí và đóng góp của Đông Kinh Nghĩa Thục trong lịch sử; tác giả đã thể hiện một cách gián tiếp thái độ ủng hộ đối với giáo dục khai phóng.

			- Mục đích - tôn chỉ giáo hóa của ĐKNT.		
<i>Đời muối</i>	Mác Kơ-len-xki	Lịch sử nhân loại gắn liền với hành trình đời muối: trước và sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống.	- Trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu, lịch sử nhân loại phát triển một cách chậm chạp, gắn với sự hình thành một cách dần dần của việc thuần hóa động vật hoang dã, trồng trọt và chăn nuôi. - Việc tìm kiếm, sản xuất, buôn bán muối đã thúc đẩy công nghiệp, thương mại, giao thông, địa chất học,	- Khoảng 11 000 năm trước CN, sau khi Kỉ Băng Hà kết thúc...; vào khoảng năm 8000 trước CN...	Khi quan sát lịch sử của nhân loại qua những thăng trầm trong số phận của muối, tác giả đã tạo ra một cách phân kì lịch sử khác, nhìn lịch sử nhân loại từ một góc độ khác, nhìn ra những quy luật khác của lịch sử và đặt ra.

			hóa học phát triển, tạo nên những thay đổi lớn trong các thể chế chính trị,...		
<i>Sách thay đổi lịch sử loài người</i>	Vũ Đức Liên	Ảnh hưởng của sách đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; mối quan hệ của sách với độc giả và tương lại của sách.	- Tầm quan trọng của sách: góp phần tạo ra châu Âu hiện đại; tương tác và ảnh hưởng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực: in ấn, báo tạp chí, quảng cáo... - Sự gia tăng số lượng độc giả và sự phát triển của văn hóa đọc đã thay đổi hành vi đọc, thị hiếu đọc và cách thức	Các chi tiết về vai trò của sách; hoạt động đọc sách...	Đề cao vị trí, vai trò của sách trong đời sống con người.

			sản xuất sách....		
--	--	--	----------------------	--	--

Câu 2. HS tự sưu tầm và tóm tắt các thông tin đã đọc theo yêu cầu

Ví dụ: Đoạn trích chương XXVIII trong *Nhiệt đới buồn* có tên *Bài học chữ viết* thể hiện những thông tin cơ bản về chữ viết của người thổ dân Nambikwara

- Người Nambikwa không biết viết, không biết vẽ.
- Tò mò, sử dụng giấy trắng và chì để vẽ đường ngoằn ngoèo thể hiện ý muốn của mình.
- Sử dụng bức vẽ ngoằn ngoèo ấy trong các cuộc trao đổi.
- Từ đó, nhân vật tôi có những suy nghĩ về vai trò của chữ viết trong lịch sử nhân loại.

Câu 3. Một số trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ nổi tiếng:

- Tranh chấp về bản quyền tác giả đối với truyện tranh “Thần đồng đất Việt”
- Tranh chấp bản quyền bài hát Gánh mẹ
- Vụ tranh chấp bản quyền phim Trạng Tí
- Tranh chấp nhãn hiệu cà phê Trung Nguyên ở Mỹ.

=> Rút kinh nghiệm:

- Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ: Cần ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tôn trọng quyền của người khác.
- Sử dụng hợp pháp các sản phẩm trí tuệ: Chỉ sử dụng các sản phẩm trí tuệ khi có sự cho phép của chủ sở hữu.
- Bảo vệ bí mật kinh doanh: Có biện pháp bảo vệ bí mật kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tuân thủ pháp luật: Tuân thủ các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Câu 4, 5. HS tự lập dàn ý/tổ chức tranh biện theo yêu cầu.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài 9:** Văn học và cuộc đời

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung module đã được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....